Quy chế Cty- Mẫu số 6.4

CÔNG TY CỔ PHẦN **THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP** --------- Số: 102 /TB-TMDK	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Đồng Tháp, ngày 20 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Gói thầu số 03: Phi tư vấn- Xây dựng mới Hồ chứa nước PCCC - giai đoạn 2 thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh

Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (Petimex) thông báo mời chào hàng cạnh tranh theo Quy chế Công ty như sau:

Bên mời thầu: Công ty cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp (Petimex).

Địa chỉ: số 472 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02773.870010

Tên gói thầu số 03: Phi tư vấn- Xây dựng mới Hồ chứa nước PCCC- giai đoạn 2 thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh

Địa điểm công trình: xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai

Giá gói thầu: 1.503.763.734đồng

Nội dung chính của gói thầu: Xây dựng mới Hồ chứa nước PCCC- giai đoạn 2

Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày

Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh không qua mạng

Thời gian phát hành hồ sơ **miễn phí từ ngày đăng website công ty**: Ngày 20/10/2025 đến trước khi đóng thầu (*trong giờ hành chính*).

Địa điểm phát hành hồ sơ: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty Petimex - Địa chỉ: số 472 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp hoặc trang website Petimex

Giá trị bảo đảm dự thầu: 45.000.000đồng

Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 75 ngày

Thời điểm đóng thầu: 09 giờ 45 phút ngày 28 tháng 10 năm 2025

Thời điểm mở thầu: 10 giờ 00phút, ngày 28 tháng 10 năm 2025 (thứ ba)

Công ty cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp, kính mời các nhà thầu quan tâm tham gia mua và nộp hồ sơ dự chào hàng cạnh tranh vào thời gian và địa điểm nêu trên.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Lê Thanh Mân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
***

HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

GÓI THẦU:	GÓI THẦU SỐ 03: PHI TƯ VẤN - XÂY DỰNG MỚI HỒ CHỨA NƯỚC PCCC - GIAI ĐOẠN 2
CÔNG TRÌNH:	XÂY DỰNG MỚI HỒ CHỨA NƯỚC PCCC – GIAI ĐOẠN 2 THUỘC CÔNG TRÌNH TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH
CHỦ ĐẦU TƯ:	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
TƯ VẤN LẬP HSYC:	CÔNG TY CP TƯ VẤN TK & XD TỔNG HỢP

Năm 2025

Quy chế Cty- Mẫu số 6.1

CÔNG TY CỔ PHẦN **THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 461 /QĐ-TMDK	*Đồng Tháp, ngày 20 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu
Gói thầu số 03: Phi tư vấn- Xây dựng mới Hồ chứa nước PCCC - giai đoạn 2 thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh

TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-HĐQT-TMDK ngày 31/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 423/QĐ-TMDK ngày 26/09/2025 của Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp về việc thành lập tổ mua sắm gói thầu phi tư vấn- Xây dựng mới Hồ chứa nước PCCC - giai đoạn 2 thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh;

Theo Tờ trình của tổ chuyên gia Công ty cổ phần tư vấn Thiết kế và Xây dựng Tổng hợp số 68/TTr- TVTH ngày 17/10/2025 về việc đề nghị phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu số 03 Phi tư vấn- Xây dựng mới Hồ chứa nước PCCC - giai đoạn 2 thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu số 03 Phi tư vấn- Xây dựng mới Hồ chứa nước PCCC - giai đoạn 2 thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh như hồ sơ yêu cầu đính kèm.

Điều 2. Giao Tổ mua sắm chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo hồ sơ yêu cầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Phó Tổng Giám đốc phụ trách, Trưởng các Phòng Kế hoạch Đầu tư, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Kiểm soát nội bộ, Tổ mua sắm và Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Tổng Hợp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu VT, KHĐT.	**TỔNG GIÁM ĐỐC** CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP **LÊ THANH MẪN**

HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Tên gói thầu:	**Gói thầu số 03: Phi tư vấn - Xây dựng mới Hồ chứa nước PCCC - Giai đoạn 2**
Công trình:	**Xây dựng mới Hồ chứa nước PCCC – Giai đoạn 2 thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh**
Phát hành ngày:	20 **/10/2025**
Ban hành kèm theo Quyết định:	**Số** 461 **/QĐ-TMDK ngày** 20 **/10/2025 của Công ty cổ phần thương mại dầu khí Đồng Tháp**

TƯ VẤN LẬP HỒ SƠ YÊU CẦU **CÔNG TY CP TƯ VẤN TK & XD TỔNG HỢP** **GIÁM ĐỐC**	**CHỦ ĐẦU TƯ** **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP** **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Đặng Hoàng Minh	**Đinh Thiện Hiền**

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt
Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu
A. Khái quát
B. Chuẩn bị HSDX
C. Nộp và mở HSDX
D. Đánh giá và Xếp hạng nhà thầu
E. Trao Hợp đồng
Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX
Chương III. Biểu mẫu
Mẫu số 1. Đơn chào hàng
Mẫu số 2. Giấy ủy quyền
Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh
Mẫu số 4. Kê khai thông tin về nhà thầu
Mẫu số 5. Thông tin các thành viên của nhà thầu Liên danh
Mẫu số 6. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện
Mẫu số 7. Hợp đồng đã và đang thực hiện của nhà thầu
Mẫu số 8. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu
Mẫu số 9. Kê khai năng lực tài chính của nhà thầu
Mẫu số 10. Bảo lãnh dự thầu
Mẫu số 11. Bảng giá dự thầu và tiến độ thực hiện
Mẫu số 12. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng
Chương IV. Yêu cầu về kỹ thuật
Chương V. Dự thảo hợp đồng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh
HSDX	Hồ sơ đề xuất
VNĐ	Đồng Việt Nam

Chương I
CHỈ DẪN NHÀ THẦU

A. KHÁI QUÁT

1. Phạm vi gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng

1.1 Chủ đầu tư phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu Gói thầu số 03: Phi tư vấn - Xây dựng mới Hồ chứa nước PCCC - Giai đoạn 2 được mô tả trong Chương IV - Phạm vi và tiến độ thực hiện.

1.2 Tên gói thầu, nội dung công việc của gói thầu cụ thể như sau: gói thầu Gói thầu số 03: Phi tư vấn - Xây dựng mới Hồ chứa nước PCCC - Giai đoạn 2.

1.3 Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày.

2. Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh

3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Tư cách hợp lệ của nhà thầu:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động;
- Hạch toán tài chính độc lập;
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu đối với gói thầu này.

4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trường

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến Chủ đầu tư tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trường hợp Chủ đầu tư sửa đổi HSYC, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định này, Chủ đầu tư thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC trước ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Nhà thầu được phép khảo sát hiện trường để phục vụ việc lập HSDX. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí cũng như rủi ro có thể xảy ra trong quá trình khảo sát hiện trường. Nhà thầu cần liên hệ trước với Chủ đầu tư để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu.

B. CHUẨN BỊ HSĐX

5. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu, kể từ khi mua HSYC cho đến khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi hợp đồng có hiệu lực.

6. Ngôn ngữ của HSĐX

Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

7. Thành phần của HSĐX

HSĐX phải bao gồm các thành phần sau:

- Đơn chào hàng theo quy định tại Mục 8;
- Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo quy định tại Mẫu số 2;
- Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 14;
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 12;
- Giá dự thầu và biểu giá theo quy định tại Mục 9;
- Thành phần đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 11;
- Các nội dung khác:……..

8. Đơn chào hàng và các bảng biểu

Đơn chào hàng và các bảng biểu phải thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại các mẫu tương ứng theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

9. Giá dự thầu và giảm giá

9.1 Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ chi phí (không tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III.

9.2 Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì phải được nộp trong HSĐX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong bảng tiên lượng. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục công việc.

9.3 Nhà thầu phải chào giá tương ứng theo biểu giá quy định tại Mẫu số 12.

10. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán:

Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND

11. Thành phần đề xuất kỹ thuật

Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương IV để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

12. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Nhà thầu phải điền thông tin cần thiết vào trong các mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

13. Thời hạn hiệu lực của HSĐX

13.1 HSĐX phải có hiệu lực trong **60 ngày**. HSĐX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ bị loại.

13.2 Trong những trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Chủ đầu tư có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSĐX của nhà thầu này không được xem xét tiếp, bị loại và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSĐX

14. Bảo đảm dự thầu

14.1 Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và được thực hiện theo Mẫu số 10. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSĐX của liên danh đó sẽ bị loại.

b) Thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu.

14.2 Nội dung bảo đảm dự thầu:

- Giá trị bảo đảm dự thầu: 21.000.000 VNĐ

- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **≥ 90 ngày**

- Hình thức: Thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và được thực hiện theo Mẫu số 10

14.3 Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn quy định, không đúng tên Chủ đầu tư (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ.

14.4 Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

14.5 Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu rút HSĐX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSĐX;

b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;

c) Nhà thầu không đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Mục này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả

15. Quy cách HSĐX và chữ ký trong HSĐX

15.1 Nhà thầu phải chuẩn bị **01 bộ HSĐX gốc** và ghi rõ "BẢN GỐC". Ngoài ra, nhà thầu còn phải nộp **03 bản chụp** của HSĐX và phải ghi rõ "BẢN CHỤP". Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.

15.2 Bản gốc của HSĐX cần được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào hàng, thư giảm giá (nếu có), văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX, biểu giá và các biểu mẫu khác tại Chương III – Biểu mẫu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 và được nộp cùng với HSDX. Tên và chức vụ của người ký văn bản ủy quyền cần được đánh máy hoặc in bên dưới chữ ký.

15.3 Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSĐX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Trong mọi trường hợp tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về mặt pháp lý với bằng chứng là văn bản thỏa thuận liên danh có chữ ký của các đại diện được ủy quyền hợp pháp của các thành viên trong liên danh.

15.4 Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký đầy đủ hoặc chữ ký tắt của người ký HSĐX hoặc người được ủy quyền đại diện.

C. NỘP VÀ MỞ HSĐX

16. Niêm phong và ghi bên ngoài HSĐX

16.1 Nhà thầu đựng bản gốc và bản chụp của HSĐX, bên ngoài ghi rõ "BẢN GỐC" hoặc "HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI" (nếu có) và "BẢN CHỤP". Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

16.2 Trên các túi đựng hồ sơ phải:

a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu……;

b) Ghi tên người nhận là Chủ đầu tư……;

c) Ghi tên gói thầu……;

d) Ghi dòng chữ cảnh báo không được mở trước …giờ, ngày …(thời gian đóng thầu)

16.3 Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSYC này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSĐX trong quá trình chuyển tới Chủ đầu tư, không ghi đúng thông tin trên túi đựng HSĐX, Chủ đầu tư cũng sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSĐX nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn quy định tại Mục 16.2 nêu trên.

17. Thời hạn nộp HSĐX

Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSĐX đến địa chỉ của Chủ đầu tư nhưng phải đảm bảo Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu: **09 giờ 45 phút, ngày 28/ 10 /2025**

18. HSĐX nộp muộn

Chủ đầu tư sẽ không xem xét bất kỳ HSĐX nào được nộp sau thời điểm đóng thầu, trừ tài liệu nhà thầu gửi đến để làm rõ HSĐX theo yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu. Bất kỳ HSĐX nào mà Chủ đầu tư nhận được sau khi hết hạn nộp HSĐX được coi là không hợp lệ, bị loại và được trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng

19. Mở HSĐX

Sau thời điểm đóng thầu, Chủ đầu tư tiến hành mở các HSĐX và lập biên bản mở thầu. Chủ đầu tư chỉ mở các HSĐX nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSYC trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự buổi mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSĐX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:

- Tham dự độc lập hay liên danh;
- Số lượng bản gốc, bản chụp;
- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSĐX;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư và các nhà thầu tham dự buổi mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu nộp HSĐX. Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSĐX.

D. ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP HẠNG NHÀ THẦU

20. Giải thích làm rõ HSĐX

20.1 Sau khi mở HSĐX, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSĐX theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Trường hợp HSĐX của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSĐX của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSĐX đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSĐX bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.2 Trong khoảng thời gian 3 ngày, trường hợp nhà thầu phát hiện HSĐX của mình thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Chủ đầu tư để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSĐX. Chủ đầu tư phải thông báo cho nhà thầu về việc đã nhận được tài liệu bổ sung làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.3 Việc làm rõ HSĐX chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có HSĐX cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSĐX phải thể hiện bằng văn bản và được Chủ đầu tư bảo quản như một phần của HSĐX.

21. Đánh giá các HSĐX

Chủ đầu tư sẽ áp dụng các tiêu chuẩn và phương pháp được liệt kê trong Mục này để đánh giá các HSĐX.

21.1 Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX theo quy định tại Bước 1, 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

21.2 Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

21.3 Đánh giá về kỹ thuật và giá:

a) Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét xác định giá thấp nhất theo quy định tại Bước 5 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

21.4 Sau khi đánh giá đề xuất tài chính, Chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất là nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất vào thương thảo hợp đồng.

22. Sửa lỗi số học

22.1 Sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam;

- Khi Chủ đầu tư cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền ghi bằng số và số tiền ghi bằng chữ thì số tiền ghi bằng chữ sẽ có ý nghĩa quyết định, trừ trường hợp số tiền ghi bằng chữ có liên quan đến một lỗi sai chính tả thì khi đó, số tiền ghi bằng số sẽ có ý nghĩa quyết định.

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

22.2 Sau khi sửa lỗi, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi đối với HSĐX của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi theo thông báo của Chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi theo thông báo của Chủ đầu tư thì HSĐX của nhà thầu đó sẽ bị loại.

23. Hiệu chỉnh sai lệch

23.1 Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch;

- Trường hợp trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSĐX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSĐX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

- Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu này; trường hợp HSĐX của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

23.2 Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí theo yêu cầu nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu. Phần chi phí này không được tính vào sai lệch thiếu.

23.3 Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng; trường hợp sai lệch thiếu lớn hơn 10% thì HSĐX sẽ bị loại.

23.4 Trường hợp nhà thầu có HSĐX được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSĐX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu.

23.5 Sau khi hiệu chỉnh sai lệch, Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDX của nhà thầu; Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư về việc chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Chủ đầu tư thì HSĐX của nhà thầu đó sẽ bị loại

24. Thương thảo về hợp đồng

24.1 Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng, nếu nhà thầu không đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

24.2 Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

a) Báo cáo đánh giá HSĐX;

b) HSĐX và các tài liệu làm rõ HSĐX (nếu có) của nhà thầu;

c) HSYC.

24.3 Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSYC mà chỉ tiến hành thương thảo đối với các sai lệch,

b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Trong quá trình đánh giá HSĐX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSĐX chưa có đơn giá thì Chủ đầu tư báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu đó. Trường hợp chỉ có duy nhất nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì việc thương thảo hợp đồng đối với sai lệch thiếu căn cứ vào mức đơn giá chào thầu trong HSDX của nhà thầu này (nếu đơn giá đó thấp hơn đơn giá trong dự toán); căn cứ vào mức đơn giá trong dự toán (nếu đơn giá đó cao hơn đơn giá trong dự toán).

24.4 Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSĐX, giữa các nội dung khác nhau trong HSĐX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSĐX (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong HSYC có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế;

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

24.5 Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, biểu giá, tiến độ cung cấp.

24.6 Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

25. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

25.1 Có HSDX hợp lệ theo quy định tại Bước 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.2 Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

25.3 Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

25.4 Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;

25.5 Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;

25.6 Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

26. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Chủ đầu tư sẽ gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên nhà thầu trúng thầu;

b) Địa chỉ hiện tại của nhà thầu trúng thầu;

c) Giá trúng thầu;

d) Loại hợp đồng;

d) Thời gian thực hiện hợp đồng;

e) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu;

g) Thời điểm bắt đầu giải tỏa bảo lãnh dự thầu cho các nhà thầu không trúng thầu;

h) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng đối với nhà thầu được công nhận trúng thầu.

E. TRAO HỢP ĐỒNG

27. Điều kiện ký kết hợp đồng

Điều kiện ký kết hợp đồng:

27.1 Tại thời điểm ký kết, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực;

27.2 Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu quy định ở Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ quyết định hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng;

28. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

28.1 Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải sử dụng Mẫu số 17.

28.2 Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng

Chương II
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Bước 1: Kiểm tra HSĐX, bao gồm:

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSĐX;

b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX, bao gồm: Đơn chào hàng, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền hoặc thỏa thuận về việc đại diện hợp pháp ký đơn chào hàng (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc HSĐX;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐX;

b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật;

d) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Chủ đầu tư;

đ) Thời hạn hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu của HSYC;

e) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu tại Mục 14 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu, với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của HSYC. Bảo đảm dự thầu phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSYC;

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

h) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ phần công việc của gói thầu mà từng thành viên trong liên danh đảm nhận;

i) Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

k) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh. Tuy nhiên năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên liên danh chỉ xét theo phần công việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh (được thể hiện trong Thỏa thuận liên danh).

Bước 3: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
				Nhà thầu liên danh		
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	**Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu**	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2	**Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế**	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính 2024.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh
3	**Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)**	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 1,288,940,000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09
4	**Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự**	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là hợp đồng: - Có tính chất tương tự: (là hợp đồng thi công công trình hạ tầng kỹ thuật). Kèm theo hợp đồng + Biên bản nghiệm thu + Thanh lý + Hóa đơn VAT; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 716,078,000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 06

Bước 4: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đối với các nội dung yêu cầu cơ bản, sử dụng tiêu chuẩn "Đạt/Không đạt".

HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục đánh giá về tài chính khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là "Đạt".

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Chủng loại quy cách vật tư sử dụng cho gói thầu này nêu tại - Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật	- Có liệt kê chi tiết chủng loại, quy cách, thương hiệu, xuất xứ,… vật tư sử dụng cho gói thầu này đáp ứng Chương IV – Yêu cầu về kỹ thuật	**Đạt**
	Không có liệt kê chủng loại quy cách vật tư sử dụng cho gói thầu này	**Không đạt**
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết trên được xác định là đạt.	**Đạt**
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	**Không đạt**

2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Có giải pháp Thi công gói thầu theo đúng yêu cầu kỹ thuật	Có thuyết minh đề xuất giải pháp thi công hợp lý, phù hợp với tiến độ thi công và hiện trạng công trình.	**Đạt**
	Không có đề xuất hoặc đề xuất biện pháp thi công không hợp lý.	**Không đạt**
2.2. Tổ chức mặt bằng công trình: thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, liên lạc,…	Có sơ đồ tổ chức mặt bằng công trình và thuyết minh chi tiết: thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, liên lạc,…	**Đạt**
	Không có sơ đồ tổ chức hiện trường và thuyết minh hoặc có nhưng không đầy đủ, không chi tiết	**Không đạt**
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	**Không đạt**

3. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp	Có nêu biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị, bố trí nhân sự đầy đủ chi tiết	**Đạt**

vật tư, thiết bị	Không có nêu biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị, bố trí nhân sự đầy đủ chi tiết	**Không đạt**
3.2 Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trình và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trình và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người	**Đạt**
	Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, hoặc có nhưng không đầy đủ và không rõ ràng	**Không đạt**
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	**Không đạt**

4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	**Mức độ đáp ứng**	
4.1. Thời gian thi công hợp lý	Có Bảng tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật, với thời gian ≤ 90 ngày.	**Đạt**
	Đề xuất thời gian thi công vượt quá 90 ngày kể từ ngày có lệnh khởi công	**Không đạt**
4.2. Tính phù hợp a. Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b. Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Có đề xuất đầy đủ, hợp lý và khả thi cho cả 2 nội dung	**Đạt**
	Không đáp ứng yêu cầu trên	**Không đạt**
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	**Không đạt**

5. Bảo hành, bảo trì

Nội dung yêu cầu	**Mức độ đáp ứng**	
Cam kết Bảo hành	- Cam kết: thời gian bảo hành công trình ≥ **24 tháng**	**Đạt**
	Không đáp ứng yêu cầu	**Không đạt**
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	**Đạt**
	Tiêu chuẩn chi tiết không đạt.	**Không đạt**

6. Biện pháp đảm bảo chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Biện pháp đảm bảo Chất lượng vật tư, thiết bị đầu vào và chất lượng công trình thi công	Có Biện pháp đảm bảo Chất lượng vật tư, thiết bị đầu vào và chất lượng công trình thi công hợp lý và khả thi với biện pháp thi công	**Đạt**
	Không đáp ứng yêu cầu trên	**Không đạt**
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	**Đạt**
	Tiêu chuẩn chi tiết xác định là không đạt.	**Không đạt**

7. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Biện pháp an toàn	Có Biện pháp an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi, đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật trong quá trình thi công	**Đạt**
	Không đáp ứng yêu cầu trên	**Không đạt**
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	**Đạt**
	Tiêu chuẩn chi tiết xác định là không đạt.	**Không đạt**

8. Uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
8.1. Uy tín của nhà thầu trong việc tham dự thầu của 3 năm gần đây:	- Nhà thầu có cam kết chưa từng vi phạm một trong các hành vi sau: a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; b) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng; c) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; d) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; e) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước.	**Đạt**

	- Nhà thầu không có cam kết đầy đủ các nội dung hoặc Chủ đầu tư tìm thấy tài liệu nhà thầu vi phạm một trong các nội dung trên	**Không đạt**
8.2. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	- Nhà thầu có cam kết đối với các hợp đồng xây lắp đã thực hiện trong vòng 03 năm gần đây: a) Không có hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu. b) Công trình không có các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng. c) Không có trường hợp vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu.	**Đạt**
	- Nhà thầu không có cam kết đầy đủ các nội dung hoặc Chủ đầu tư tìm thấy tài liệu nhà thầu vi phạm các nội dung trên	**Không đạt**
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	**Không đạt**

9. Các yêu cầu khác:

Nội dung yêu cầu	**Mức độ đáp ứng**	
Có các cam kết	- Cam kết đóng thuế vãng lai tại địa bàn tỉnh thi công nếu trúng thầu. - Cam kết chịu tất cả các loại thuế phí của toàn bộ vật tư, thiết bị có liên quan đến công trình	**Đạt**
	- Không có các cam kết trên	**Không đạt**
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	**Đạt**
	Tiêu chuẩn chi tiết xác định là không đạt.	**Không đạt**

Bước 5: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1: Xác định giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4: Trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Chuyển đổi giá dự thầu (là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá) sang một đồng tiền chung (nếu có);

Bước 6: So sánh giữa các HSĐX để xác định giá thấp nhất.

Chương III. Biểu mẫu

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: *[điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói thầu: *[điền tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Kính gửi: *[điền tên đầy đủ của Chủ đầu tư]*

Sau khi nghiên cứu HSYC mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]*(1) cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là ___ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*(2).

Chúng tôi cam kết chỉ tham gia trong một HSĐX này với tư cách là nhà thầu chính;

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Chúng tôi cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực;

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28, Chương I.

HSDX này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ __ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ___ *[Ghi thời điểm đóng thầu]*.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu(4)

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu(5)]

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất

các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, Chủ đầu tư..

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ cung cấp nêu trong HSĐX.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSĐX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 3 có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

(5) Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn chào hàng và các tài liệu khác trong HSĐX là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN[1]

Hôm nay, ngày _ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của ____ *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại ____ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho ____ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu __ *[Ghi tên gói thầu]* do ____ *[Ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.][2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ *[Ghi tên nhà thầu]*. ____ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ___ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ___ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ __ __ bản, người được ủy quyền giữ __ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, Tổng Giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp

được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH[1]

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: ___ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc: ___ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]*

- Căn cứ ___ *[Luật Đấu thầu]*[2];

- Căn cứ ___[2];

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* ngày _____ tháng _____ năm _____ *[Ngày được ghi trên HSYC]*;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ___ ngày ___tháng ___ năm ___ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu *[Ghi tên gói thầu]* thuộc ___ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ *[Ghi tên của liên danh]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh*

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng

- Hình thức xử lý khác__ __ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc ___ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho_____*[Ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau[3]:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng_____[Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây[4]:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
...	...		
Tổng cộng		**Toàn bộ công việc của gói thầu**	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được chỉ định thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____*[Ghi tên gói thầu]* thuộc ___ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo thông báo của Chủ đầu tư, Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành_____bản, mỗi bên giữ_____bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH(5)
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 04 (04A hoặc 04B hoặc 04C hoặc 04D hoặc 04E hoặc 04G) Chương III; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

Mẫu số 04

KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn phía dưới. Không được thay đổi định dạng trình bày và không được dùng các mẫu khác thay thế.]

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ dự thầu]*

1. Tên nhà thầu *[điền tên hợp pháp, địa chỉ, số điện thoại, email... của Nhà thầu]*
2. Trong trường hợp là nhà thầu liên danh, điền tên pháp lý của từng thành viên liên danh: *[điền tên hợp pháp của từng thành viên trong liên danh]*
3. Năm thành lập: *[điền năm nhà thầu thành lập công ty]*
4. Kèm theo là bản sao của các tài liệu gốc sau đây *[đánh dấu vào các ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]* ☐ Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết) và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên. ☐ Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh. ☐ Các tài liệu chứng minh những điểm nêu dưới đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: • Tự chủ về pháp lý và tài chính • Hoạt động theo luật doanh nghiệp
5. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

Mẫu số 05

THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH

[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn dưới đây. Nhà thầu và từng thành viên của Liên danh đều phải điền thông tin vào bảng ở dưới.]
Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ dự thầu]*

1. Tên Nhà thầu: *[điền tên hợp pháp của Nhà thầu]*
2. Tên thành viên của Liên danh nhà thầu: *[điền tên hợp pháp của thành viên Liên danh]*
3. Năm thành lập công ty của thành viên Liên danh: *[điền năm thành lập công ty của thành viên Liên danh]*
Kèm theo là bản sao các tài liệu gốc sau đây *[đánh dấu vào ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]* ☐ Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết), và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên. ☐ Các tài liệu chứng minh những điểm sau đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: tự chủ về pháp lý và tài chính, hoạt động theo luật thương mại.
4. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

Mẫu số 6

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN[1]

___ ___, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu:___ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*		
Ngày ký hợp đồng	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Ngày hoàn thành	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Giá hợp đồng[3]	*[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]*		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	*[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]*	*[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương ___ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	*[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]*		
Tên Chủ đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]* *[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]* *[ghi địa chỉ e-mail]*		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Khoản 4 Bước 3 Chương II[2]			
1. Loại dịch vụ	*[ghi thông tin phù hợp]*		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện[3]	*[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]*		
3. Về quy mô thực hiện	*[ghi quy mô theo hợp đồng]*		
4. Các đặc tính khác	*[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]*		

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC. Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó để làm cơ sở đánh giá.

Mẫu số 7

HỢP ĐỒNG ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Tên nhà thầu: _____ _____ *[Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Stt	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	Giá trị phần công việc chưa hoàn thành	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
3							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 08

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định Khoản 1 Bước 3 Chương II			
☐ Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II. ☐ Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm___ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.			
Năm	**Phần việc hợp đồng không hoàn thành**	**Mô tả hợp đồng**	**Tổng giá trị hợp đồng** (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:_____	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và HSDX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 9

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU[1]

Tên nhà thầu: _____

Ngày:_____ _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày _ tháng ____ ***(nhà thầu điền nội dung này)***		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC		
	Năm 1:	**Năm 2:**	**Năm 3:**
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) [2]			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 10

BẢO LÃNH DỰ THẦU
(Bảo đảm của ngân hàng)

Bên thụ hưởng: *[điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]*

Ngày: *[điền ngày phát hành]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: *[điền số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo đảm: *[điền tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng *[điền tên nhà thầu]*[1] (sau đây sẽ gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên gói thầu]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____ ____ [2] ngày kể từ ngày____tháng năm [3].

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là *[ghi bằng chữ] [ghi bằng số]* khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

a) Nhà thầu rút HSĐX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSĐX;

b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương I;

c) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng.

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó;

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng gửi cho

Bên yêu cầu bảo lãnh thông báo kết quả đấu thầu; trong vòng 20 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi tới văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh dự thầu và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: "Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho Chủ đầu tư khoản tiền nêu trên khi Chủ đầu tư có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSYC."

(2) Ghi theo quy định tại Chương I.

(3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Chương I

Mẫu số 11

BẢNG GIÁ DỰ THẦU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
I	**Hạng mục xây lắp**								A
1	Phát rừng loại 1 bằng thủ công, mật độ cây TC/100m2: ≤3 cây	Theo quy định tại Chương IV	22,0000	100m2	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
2	Vét hữu cơ dày trung bình 50cm phần hồ hiện hữu	Theo quy định tại Chương IV	11,0000	100m3	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
3	Tháo dỡ các kết cấu thép - cột thép	Theo quy định tại Chương IV	1,6748	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
4	Tháo dỡ và di dời hệ đỡ ống PCCC	Theo quy định tại Chương IV	0,4149	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			

5	Tái lập lại hệ thống ống PCCC hiện hữu 6inch	Theo quy định tại Chương IV	0,3900	100m	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
6	Tái lập hệ đỡ ống PCCC	Theo quy định tại Chương IV	0,4149	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
7	Cung cấp và lắp đặt hệ đỡ ống PCCC tạm thời thép I100	Theo quy định tại Chương IV	0,4958	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
8	Cung cấp và lắp đặt ống PVC D200 cấp nước PCCC tạm thời	Theo quy định tại Chương IV	2,3050	100m	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
9	Cung cấp và lắp đặt co PVC D200	Theo quy định tại Chương IV	5,0000	cái	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
10	Cung cấp và lắp đặt neo ống PVC D200 trên hệ đỡ	Theo quy định tại Chương IV	70,0000	cái	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
11	Đóng cọc gỗ (hoặc cọc tràm) bằng máy đào 0,5m3, chiều dài cọc >2,5m - Cấp đất I	Theo quy định tại Chương IV	33,0862	100m	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
12	Tháo dỡ và loại bỏ van ngăn triều hiện hữu	Theo quy định tại Chương IV	0,1000	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
13	Gia công cửa van ngăn triều mới	Theo quy định tại Chương IV	0,1000	1 tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
14	Lắp đặt van ngăn triều mới	Theo quy định tại Chương IV	0,1000	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			

15	Tháo dỡ ống HDPE D400 hiện hữu	Theo quy định tại Chương IV	0,1500	100 m	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
16	Cung cấp và lắp đặt ống HDPE mới	Theo quy định tại Chương IV	0.1500	100 m	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
17	Xói hút bùn trong khung vây phòng nước các trụ trên cạn	Theo quy định tại Chương IV	1.258,0000	m3	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
18	Dọn dẹp hữu cơ chiều dài trung bình 50cm toàn bộ đáy ao	Theo quy định tại Chương IV	3,0000	100m3	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
19	Bê tông M250 đáy hồ, sườn tăng cường, dầm tăng cường đáy, chân tường	Theo quy định tại Chương IV	173,6200	m3	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
20	CC/LD Cốt thép CB300 đường kính D<10	Theo quy định tại Chương IV	0,3511	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
21	CC/LD cốt thép móng, ĐK ≤18mm	Theo quy định tại Chương IV	18,4835	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
22	Ván khuôn phim dày 18mm thi công	Theo quy định tại Chương IV	2,1785	100m2	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
23	Hệ văng chống	Theo quy định tại Chương IV	302,0000	cái	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
24	Gia công Thép hộp 40x40x1.4mm	Theo quy định tại Chương IV	0,3927	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
25	Lắp đặt Thép hộp 40x40x1.4mm	Theo quy định tại	0,3927	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh	90 ngày			

		Chương IV			Đồng Nai				
26	Gia công Thép hộp 50x100x1.4	Theo quy định tại Chương IV	1,5950	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
27	Lắp đặt Thép hộp 50x100x1.4	Theo quy định tại Chương IV	1,5950	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	90 ngày			
II	**Chi phí dự phòng khối lượng phát sinh***		5% (b1)						B = b1% x A
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))									A + B

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(8): Nhà thầu điền.

(9), (10): Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

* Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Chương IV

YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- Công trình: Xây dựng mới 1 hồ chứa nước PCCC – Giai đoạn 2 thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh

- Gói thầu: gói thầu số 03: Phi tư vấn - Xây dựng mới Hồ chứa nước PCCC - Giai đoạn 2

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần thương mại dầu khí Đồng Tháp

- Địa điểm xây dựng: xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai

- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn sản xuất kinh doanh

2. Mục tiêu công việc:

- Xây mới bờ hồ phần còn lại (trừ phần đã thực hiện giai đoạn 1) bằng bê tông cốt thép mới;

- Chống thấm toàn diện;

- Thiết kế hệ thống rãnh thoát nước chống xói lở;

- Cải tạo hệ thống đường ống di nổi gần mép hồ;

- Cải tạo hệ thống cấp xả nước cho hồ;

- Riêng đoạn có nguy cơ sạt lở có địa chất yếu, cần gia cường thêm cừ tràm để tăng độ ổn định chống trượt lâu dài cho công trình.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

- Nhà thầu phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật thể hiện trên bản vẽ thiết kế thi công được phê duyệt. Ngoài ra, nhà thầu còn phải thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, thử nghiệm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, huy động thiết bị, kiểm tra, giám sát chất lượng và các yêu cầu khác (nếu có).

- Tất cả vật tư được sử dụng trong Công trình đều mới, chưa từng qua sử dụng, thuộc thế hệ mới nhất, đã dưa vào tất cả các cải tiến về thiết kế và vật liệu trừ khi được quy định khác đi trong hợp đồng.

3.1. Hồ chứa PCCC giai đoạn 2 được thiết kế như sau:

- Phạm vi xây dựng là toàn bộ phần diện tích còn lại của hồ chứa nước PCCC

- Phần tường bao xây mới vẫn như phương án giai đoạn 1 nằm phía trong tường hồ chứa hiện hữu, tuy nhiên phần kết cấu được tính toán tối ưu về mặt kết cấu, và tiết kiệm chi phí xây dựng

- Toàn bộ phần diện tích đáy hồ được xây dựng mới kín toàn bộ đáy hồ

+ Kết cấu hồ chứa được tính toán đảm bảo ổn định bờ hồ và các kết cấu

khác lân cận công trình

+ Có phương án đảm bảo hệ thống PCCC hoạt động liên tục trong suốt quá trình thi công đảm bảo an toàn PCCC cho tổng kho xăng dầu.

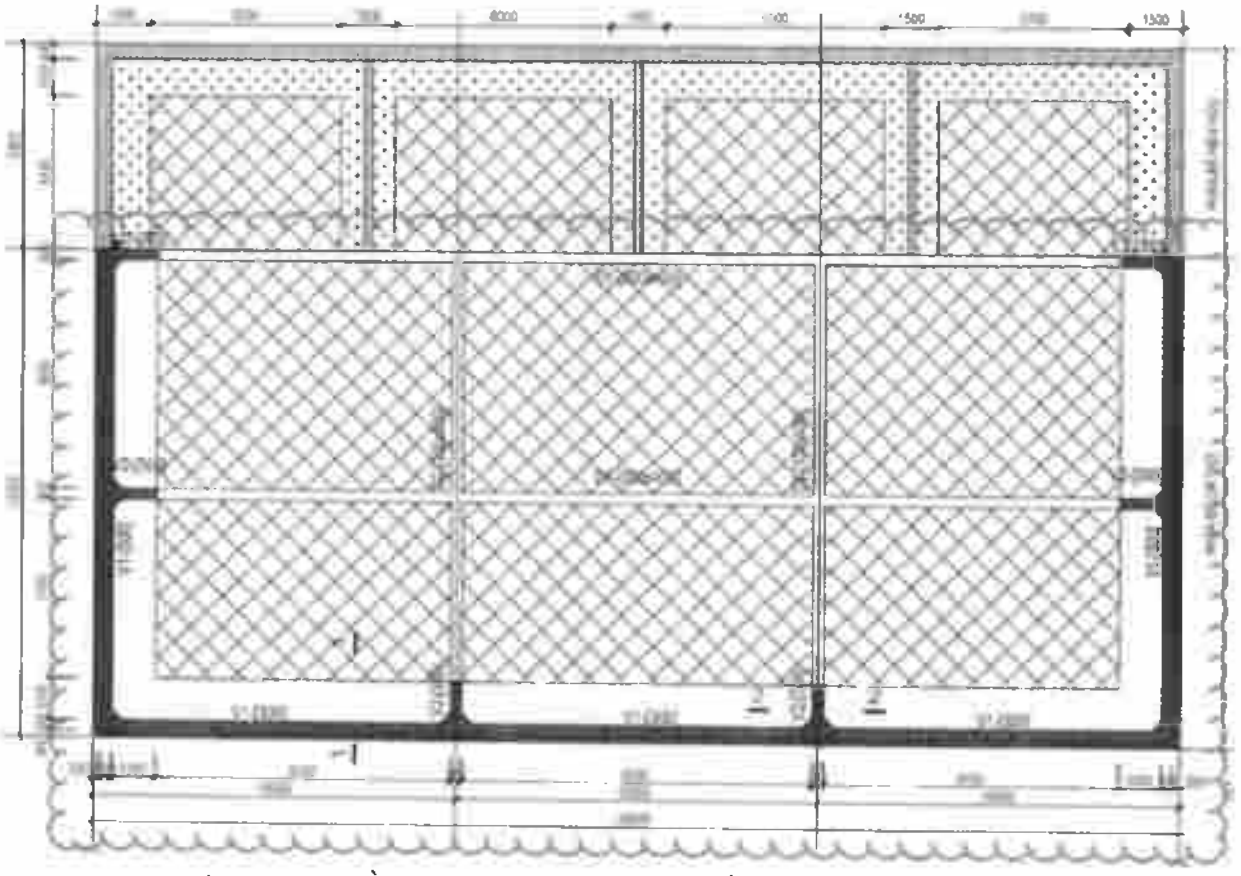

Hình: Mặt bằng phạm vi xây dựng hồ chứa PCCC giai đoạn 2

3.2. Kết quả thiết kế hồ chứa PCCC giai đoạn 2 như sau:

- Hồ chứa có chiều sâu 2.7m từ đỉnh tường đến đáy hồ sau khi làm mới
- Tường bao xung quanh hồ làm mới bằng BTCT M250 (B20) có bề dày 30cm
- Toàn bộ dáy hồ bằng sàn BTCT M250 (B200 có bề dày 20cm).
- Phần sàn BTCT M250 (b20) chân tường bao có tác dụng tăng cường kết cấu có bề dày 40cm.
- Toàn bộ cốt thép dung cho kết cấu BTCT là thép CB300.

*** <u>Lưu ý</u>:**

- Đảm bảo khả năng vận hành liên tục cho hệ thống PCCC trong suốt quá trình thi công bằng giải pháp cấp nước tạm thời – an toàn cho cả hệ thống PCCC của tổng kho.
- Đảm bảo khả năng ổn định cho toàn bộ khu vực và các công trình lân cận trong suốt qua trình thi công và vận hành.
- Đảm bảo các yêu cầu của quy trình, các quy định hiện hành đối với công trình hạ tầng kỹ thuật và xây dựng.

Một số vật tư chính:

Stt	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	Yêu cầu
1	Ống nhựa PVC, CO các loại,	Đáp ứng theo hồ sơ thiết kế	Bình Minh
2	Ống nhựa HDPE	Đáp ứng theo hồ sơ thiết kế	Đạt Hòa
3	Thép tròn các loại	Đáp ứng theo hồ sơ thiết kế	Việt nhật
4	Thép hình các loại	Đáp ứng theo hồ sơ thiết kế	Hòa phát
5	Bê tông thương phẩm	Kết cấu trong vùng ngập nước	Siêu dẻo hoặc siêu dẻo kết hợp với khoáng hoạt tính, hoặc phụ gia hoạt tính siêu mịn (silicafume).

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Cụ thể khi hoàn thiện hợp đồng.

Mẫu số 12

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Đối tượng thụ hưởng: *[điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]*

Ngày:*[điền ngày phát hành]*

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG Số: *[điền số Bảo lãnh]*

Bên bảo lãnh: *[điền tên và địa chỉ của nơi phát hành bảo lãnh, trừ khi đã được nêu trong tiêu đề thư]*

Chúng tôi được thông báo rằng _ *[điền tên Nhà thầu, nếu là Liên danh thì điền tên Liên danh]* (sau đây gọi là "Người đề nghị bảo lãnh") đã ký Hợp đồng số. *[điền số trích yếu của Hợp đồng]* ngày *[điền ngày]* với Người thụ hưởng để thực hiện _ *[điền tên Hợp đồng và mô tả ngắn gọn* Công trình*]* (sau đây gọi là "Hợp đồng").

Chúng tôi cũng hiểu rằng theo Các Điều kiện của Hợp đồng, Bên Đề nghị phải nộp một bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Theo yêu cầu của Bên đề nghị, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là *[điền số tiền bằng số]* ( ) *[điền số tiền bằng chữ]*[1], theo loại tiền và tỷ lệ của đồng tiền thanh toán Hợp đồng, khi nhận được yêu cầu bồi thường từ phía Bên thụ hưởng, đi kèm với tuyên bố của Bên thụ hưởng (tuyên bố này có thể được ghi trong thư yêu cầu bồi thường hoặc trong một văn bản riêng rẽ có chữ ký gửi kèm thư yêu cầu bồi thường) trong đó nêu rõ Bên đề nghị vi phạm (các) nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mà không cần Bên thụ hưởng phải chứng minh hoặc đưa ra cơ sở cho việc yêu cầu thanh toán khoản tiền quy định ở đây.

Bảo lãnh này sẽ hết hạn muộn nhất là vào ... ngày tháng ……, 2… [2], và bất kỳ yêu cầu trả tiền nào theo bảo đảm này phải được chuyển tới văn phòng của chúng tôi trước hoặc trong ngày hôm đó..

_____ _____

[chữ ký]

---

[1] *Bên bảo lãnh sẽ điền vào đây số tiền tương đương với tỷ lệ phần trăm của Giá trị Hợp đồng được Chấp nhận như xác định trong Thư chấp thuận, trừ đi các khoản tiền tạm tính, nếu có, và ghi bằng (các) loại tiền tệ của Hợp đồng hoặc loại tiền tệ để chuyển đổi được Bên thụ hưởng chấp thuận*

[2] *Điền vào ngày thứ 28 sau ngày hoàn thành được quy định trong Điều 53.1 GC. Chủ đầu tư cần lưu ý rằng trong trường hợp gia hạn thời gian hoàn thành Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ cần yêu cầu Bên bảo lãnh gia hạn bảo lãnh này. Yêu cầu gia hạn đó phải bằng văn bản và phải được thực hiện trước ngày hết hạn được xác lập trong bảo lãnh. Trong quá trình lập soạn bảo lãnh này, Chủ đầu tư có thể xem xét bổ sung nội dung sau vào mẫu, ở cuối đoạn trước đoạn cuối cùng: "Để đáp lại văn bản yêu cầu gia hạn của Bên thụ hưởng, Bên bảo lãnh đồng ý sẽ gia hạn hiệu lực của bảo đảm này một lần với thời hạn không quá [6 tháng][01 năm], với điều kiện Bên bảo đảm nhận được văn bản yêu cầu đó trước khi hết hạn hiệu lực của thư bảo đảm gốc."*

Chương V
DỰ THẢO HỢP ĐỒNG [3]

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án: _____ *[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ [2] ___
- Căn cứ [2] ____
- Căn cứ [2] ____
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày _ _ tháng ____năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả chào hàng gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo kết quả chào hàng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư;
- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ ;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư *[Ghi tên chủ đầu tư]*: ___ _____

Địa chỉ: _____ _____ _____

Điện thoại: _____ _____ _

Fax: _____ _____ _____

E-mail: _____ _____ _____

Tài khoản: _____ _____ _____

Mã số thuế: _____ _____ _____

Đại diện là ông/bà: _____ _____ _

Chức vụ: _____ _____ _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ___. *(trường hợp được ủy quyền).*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]*: _____ ____

Địa chỉ: _____ _____ _____

Điện thoại: ___ _____ _____ _____

Fax: _____ _____ _____

E-mail: ___ _____ _____

Tài khoản: _____ _____ _____ _____

---

[3] *Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với dự thảo hợp đồng.*

[2] *Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.*

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp *hàng hóa/dịch vụ* với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa/dịch vụ được nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;
4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh;
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại dịch vụ như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].*

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán _____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản...].*

b) Thời hạn thanh toán _____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].*

c) Số lần thanh toán _____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].*

Điều 6. Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ *[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Mục 3 Phần A, HSĐX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi phương thức vận chuyển;

b) Thay đổi địa điểm giao hàng;

c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là ___ ngày trước khi ký hợp đồng]*

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ *[Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính].*

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ % giá hợp đồng *[Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 10% giá hợp đồng].*

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm _ _ *[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa/dịch vụ được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định].*

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại

cho Bên A.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: _____ *[Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu]*.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Bảo hành

1. Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:

a) Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian **24 tháng**;

b) Trường hợp Chủ đầu tư trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành.

2. Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công

việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ *[Ghi cụ thể thời gian]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _ ___ *[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp]*.

Điều 13. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _ __ bộ, chủ đầu tư giữ _ __ bộ, nhà thầu giữ ___bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ___ _ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại HSYC và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP - PETIMEX

------oOo-------

CÔNG TRÌNH: TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH

ĐỊA ĐIỂM: ẤP 2, XÃ ĐẠI PHƯỚC, T.ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC: HỒ CHỨA NƯỚC PCCC - GIAI ĐOẠN 2

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

TẬP 1: THUYẾT MINH VÀ BẢN VẼ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 09 /BCTT-THSG

ngày 12 tháng 9 năm 2025

Chủ trì bộ môn ký tên:

Nguyễn Hồng Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG HỮU THANH

CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG HỮU THANH

TP.Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP - PETIMEX
------oOo-------

CÔNG TRÌNH: TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH

ĐỊA ĐIỂM: ẤP 2, XÃ ĐẠI PHƯỚC, T.ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC: HỒ CHỨA NƯỚC PCCC – GIAI ĐOẠN 2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 02 / BCXT-T-SG
ngày..... tháng.....9.. năm 20..25
Chủ trì bộ môn ký tên:

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT
TẬP 1: THUYẾT MINH VÀ BẢN VẼ THIẾT KẾ

CHỦ ĐẦU TƯ
CTY CP TM DK ĐỒNG THÁP - PETIMEX

TƯ VẤN THIẾT KẾ
CTY CP PHƯƠNG HỮU THANH
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG HỮU THANH

Trần Văn Hữu

TP.Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 2025

MỤC LỤC

1 GIỚI THIỆU CHUNG 1
1.1 Tên dự án : 1
1.2 Loại, cấp công trình 1
1.3 Chủ đầu tư công trình 1
1.4 Tư vấn thiết kế 1
1.5 Đánh giá hiện trạng và sự cần thiết đầu tư 1
Đánh giá hiện trạng 1
Nguy cơ tiềm ẩn 2
Sự cần thiết phải đầu tư xây dựng lại 2
Quy mô công trình 3
1.6 Yêu cầu kỹ thuật 3
1.7 Các nội dung liên quan khác 3
2 CĂN CỨ PHÁP LÝ 3
3 TÀI LIỆU THAM CHIẾU 3
4 ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN KHU VỰC DỰ ÁN 4
4.1 Đặc điểm vị trí 4
4.2 Điều kiện địa hình khu vực dự án 4
4.3 Điều kiện địa chất 4
4.4 Điều kiện khí hậu thủy văn 4
5 THUYẾT MINH KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP THIẾT KẾ 5
5.1 Tổng mặt bằng công trình : 5
5.2 Hồ chứa PCCC giai đoạn 1 bao gồm: 5
5.3 Hồ chứa PCCC giai đoạn 2 được thiết kế như sau: 6
5.4 Kết quả thiết kế hồ chứa PCCC giai đoạn 2 như sau: 6
5.5 Khung tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng 7
6 YÊU CẦU VẬT LIỆU 9
7 GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG 10
7.1 Biện pháp thi công 10
8 BIỆN PHÁP AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ VÀ TIẾN ĐỘ THI CÔNG 11
8.1 Biện pháp an toàn lao động và phòng chống cháy nổ 11
8.2 Tiến độ thi công 11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký

Nguyễn Thế Chung

CTY CP PHƯƠNG HỮU THANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

CÔNG TRÌNH: TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH

ĐỊA ĐIỂM: ẤP 2, XÃ ĐẠI PHƯỚC, T.ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC: HỒ CHỨA NƯỚC PCCC GIAI ĐOẠN 2

THUYẾT MINH THIẾT KẾ

HỒ SO BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

1 GIỚI THIỆU CHUNG

1.1 Tên dự án :

- Dự án: Tổng kho xăng dầu Phước Khánh.
- Hạng mục: Hồ chứa nước PCCC giai đoạn 2.
- Địa điểm: Ấp 2, Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Nguyễn Văn Chung

1.2 Loại, cấp công trình

- Công trình HTKT cấp IV.

1.3 Chủ đầu tư công trình

- Công ty cổ phần thương mại dầu khí Đồng Tháp
- Địa chỉ: Số 472 đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp..

1.4 Tư vấn thiết kế

- Công ty Cổ phần Phương Hữu Thanh
- MST : 0313306902
- Địa chỉ: 76 đường M1, P.Bình Hưng Hòa, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.5 Đánh giá hiện trạng và sự cần thiết đầu tư

Đánh giá hiện trạng

Bể nước PCCC tại khu vực Kho đang được sử dụng làm nguồn cấp nước chính phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế hiện trường (dẫn chứng từ hình ảnh), có thể thấy:

- Hệ thống bờ bao bê tông đã xuống cấp nghiêm trọng, xuất hiện các dấu hiệu sạt lở, nứt vỡ, lún cục bộ tại một số vị trí sát mép nước (ảnh 1).

- Cốt thép bên trong bị ăn mòn và trơ ra ngoài, mất khả năng chịu lực và đe dọa sụp đổ cục bộ.

- Một số đoạn tường ngăn bên trong bể (ảnh 2, 3, 4) cũng xuất hiện hiện tượng bong tróc, nứt dọc theo chiều dài và thấm nước.

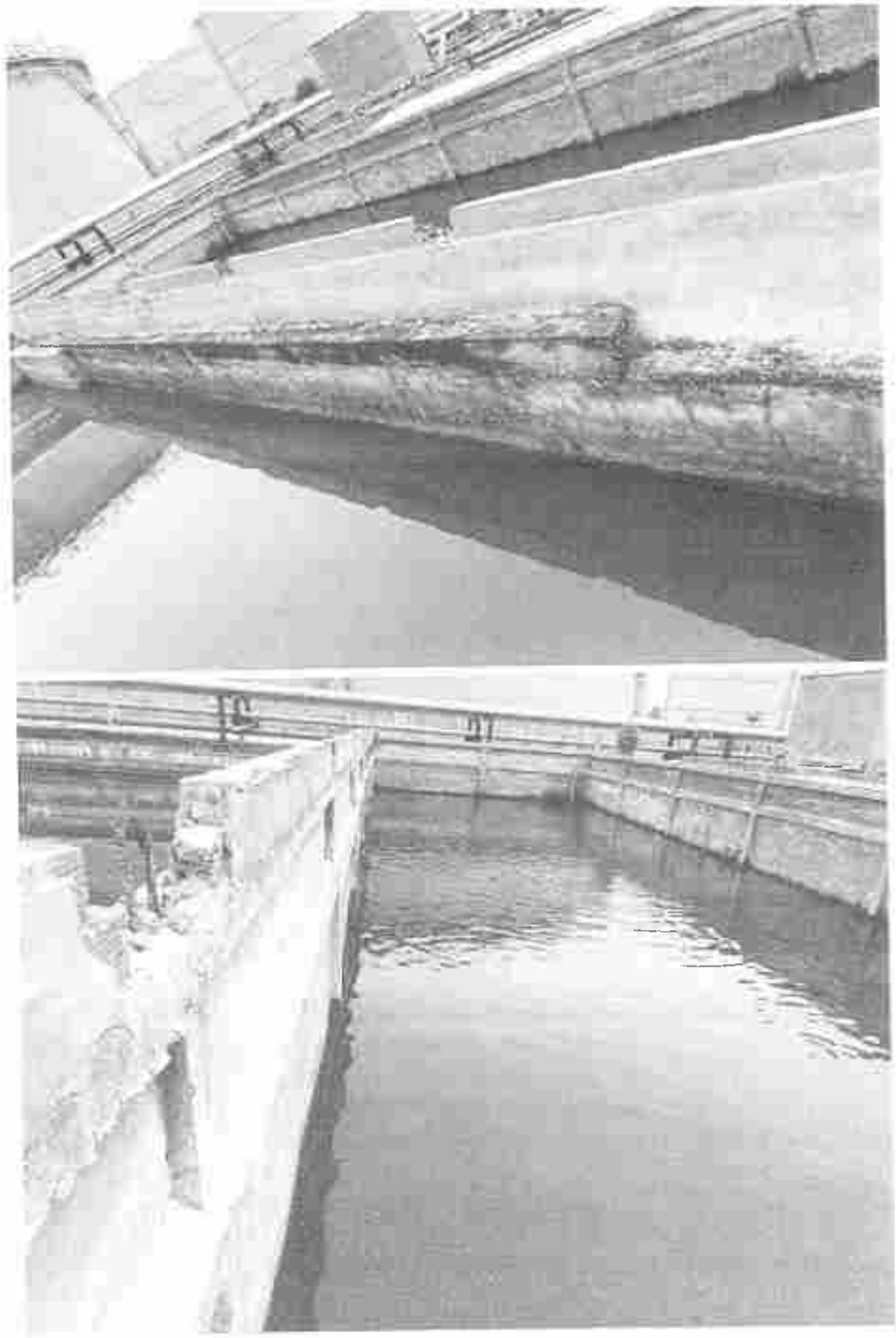

- Cỏ dại, rễ cây mọc sát mép bờ làm yếu thêm kết cấu đất, tạo nguy cơ sạt trượt trong mùa mưa hoặc khi mực nước dâng cao.
- Hệ thống đường ống dẫn nước (ảnh 5) đang được lắp đặt trực tiếp gần khu vực bờ sạt lở, nếu xảy ra sự cố sụp lở sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cấp nước PCCC.

Nguy cơ tiềm ẩn

Nếu không có biện pháp gia cố hoặc xây dựng lại kịp thời, các nguy cơ sau đây hoàn toàn có thể xảy ra:

- Sập bờ hồ gây mất nước đột ngột, ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống PCCC trong trường hợp khẩn cấp.
- Làm hư hại hệ thống ống kỹ thuật và van khóa quan trọng, gây ngừng trệ toàn bộ hệ thống cấp nước chữa cháy.
- Tăng nguy cơ mất an toàn lao động do mép hồ yếu, sụt lún cục bộ.
- Trong mùa mưa, sạt lở có thể lan rộng, ảnh hưởng cả khu vực phụ trợ như nhà máy bơm, nhà vận hành hoặc đường ống chính.

Sự cần thiết phải đầu tư xây dựng lại

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN
THẨM TRA
Theo Văn bản số:
ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Việc cải tạo, nâng cấp và gia cố lại bể nước PCCC là yêu cầu cấp thiết, cụ thể:

- Đảm bảo an toàn công trình, duy trì liên tục khả năng cung cấp nước chữa cháy.
- Ổn định mực nước và cấu trúc bờ hồ, tránh rò rỉ hay mất nước không kiểm soát.
- Tăng độ tin cậy cho hệ thống PCCC, phục vụ mục tiêu bảo vệ an toàn nhà máy và con người.
- Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật PCCC hiện hành, đáp ứng kiểm định và yêu cầu từ cơ quan chức năng.

Quy mô công trình

Lập dự án đầu tư xây dựng hoặc cải tạo bể PCCC, bao gồm:

- Xây mới bờ hồ phần còn lại (trừ phần đã thực hiện giai đoạn 1) bằng bê tông cốt thép mới;
- Chống thấm toàn diện;
- Thiết kế hệ thống rãnh thoát nước chống xói lở;
- Cải tạo hệ thống đường ống đi nổi gần mép hồ;
- Cải tạo hệ thống cấp xả nước cho hồ;
- Riêng đoạn có nguy cơ sạt lở có địa chất yếu, cần gia cường thêm cọc tràm để tăng độ ổn định chống trượt lâu dài cho công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
ngày..... tháng..... năm 20....

1.6 *Yêu cầu kỹ thuật*

- Đảm bảo khả năng vận hành liên tục cho hệ thống PCCC trong suốt quá trình thi công bằng giải pháp cấp nước tạm thời – an toàn cho cả hệ thống PCCC của tổng kho.
- Đảm bảo khả năng ổn định cho toàn bộ khu vực và các công trình lân cận trong suốt qua trình thi công và vận hành.
- Đảm bảo các yêu cầu của quy trình, các quy định hiện hành đối với công trình hạ tầng kỹ thuật và xây dựng.

1.7 *Các nội dung liên quan khác*

- Theo quy định của pháp luật hiện hành.

2 CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Xây dựng số : 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật số : 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Nghị định số: 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây Dựng;
- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị Định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính Phủ V/v Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số: 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng ;
- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/08/2021 Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng: Thông tư hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng: Thông tư Ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng: Thông tư Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng
- Thông tư 27/2023/TT-BTC ngày 12/05/2023 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;
- Thông tư 28/2023/TT-BTC ngày 12/05/2023 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án xây dựng;
- Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/06/2024 Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thông tư số 09/2024/TT-BXD của Bộ Xây dựng: Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD.
- Hợp đồng Tư vấn thiết kế xây dựng công trình số 50/2025/PETIMEX ngày 05/9/2025 giữa Công ty cổ phần thương mại dầu khí Đồng Tháp và Công ty cổ phần Phương Hữu Thanh về việc Tư vấn thiết kế lập báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật hạng mục Hồ chứa nước PCCC – Giai đoạn 2, địa điểm xây dựng: xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai;
- Các văn bản liên quan khác

3 TÀI LIỆU THAM CHIẾU

- Các số liệu về điều kiện tự nhiên, địa hình, địa chất thủy văn, cột mốc xây dựng.

- Số liệu báo cáo khảo sát địa hình do chủ đầu tư cung cấp
- Số liệu báo cáo khảo sát địa chất do chủ đầu tư cung cấp;
- Số liệu báo cáo khảo sát tính toán thủy văn dự án do chủ đầu tư cung cấp.
- Các tài liệu có liên quan khác.

4 ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN KHU VỰC DỰ ÁN

4.1 Đặc điểm vị trí

Phạm vi thực hiện khảo sát hiện trạng và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình thuộc Tổng kho xăng dầu Phước Khánh, ấp 2, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

Vị trí dự án

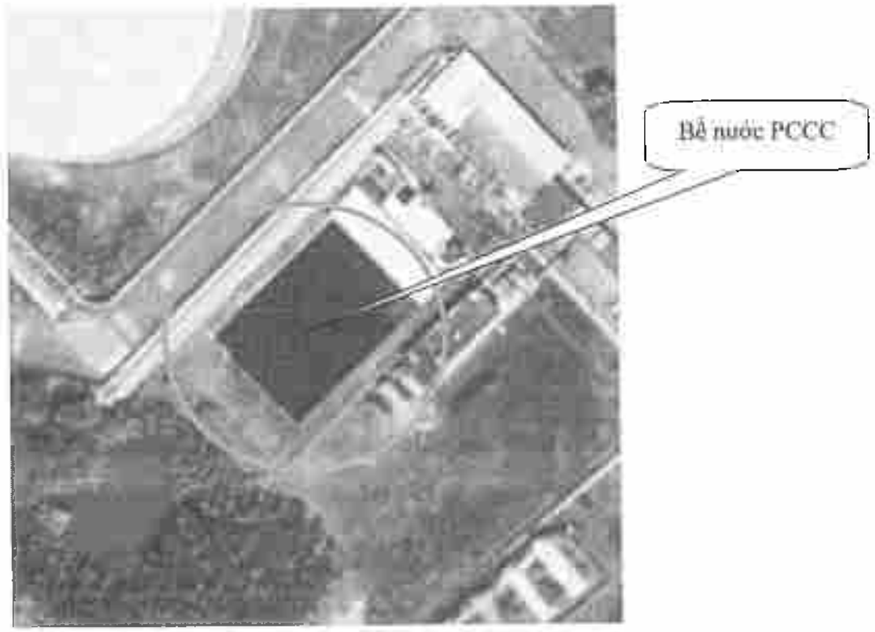

Vị trí hạng mục bể nước PCCC

4.2 Điều kiện địa hình khu vực dự án

- Địa hình: Dự án nằm hoàn toàn ngoài đê thủy lợi hiện hữu, một mặt dự án giáp sông Lòng Tàu, phía bên cạnh là công ty bê tông đã xây dựng lên cao độ +2.70m (Mốc Hòn Dấu).
- Cao độ trung bình dự án từ +1.20m đến +2.20m. Độ dốc địa hình tự nhiên thấp dần về phía sông. Khu vực công trình chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ bán nhật triều.
- Lượng mưa trung bình khu vực dự án ở mức trung bình Tổng số ngày mưa từ 120-170 ngày/năm. Tổng lượng mưa dao động trong khoảng 1500mm-2750mm..

4.3 Điều kiện địa chất

Sử dụng số liệu địa chất được Chủ đầu tư cung cấp để làm cơ sở thiết kế và tham khảo địa chất các công trình lân cận

4.4 Điều kiện khí hậu thủy văn

a. Lượng mưa

- Chế độ mưa: Gồm có 2 mùa, mùa mưa và mùa khô, trung bình mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10.
- Lượng mưa năm: lượng mưa năm trung bình 1.908,3 mm/năm. Số ngày mưa trung bình trong năm là 159 ngày.
- Lượng mưa tháng: Lượng mưa tập trung chủ yếu từ tháng 5 đến tháng 10 (từ 100÷300

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên

mm/tháng). Các tháng giữa mùa mưa có số ngày mưa xấp xỉ nhau (trên 20 ngày/tháng). Các tháng mùa khô có lượng mưa rất nhỏ (dưới 50mm/tháng), số ngày mưa từ 1 đến 7 ngày, có tháng không mưa.

b. Đặc điểm khí tượng

- Khu vực tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nhiệt độ cao đều, trong năm chia thành 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô:
- Mùa mưa từ tháng 05 đến tháng 10.
- Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

c. Đặc điểm thủy triều

- Thủy triều ở sông Đồng Nai chịu ảnh hưởng mạnh của chế độ bán nhật triều không đều, biên độ triều khoảng 3,5m.
- Căn cứ hồ sơ thiết kế Cầu cảng hiện hữu, các mực nước tính toán như sau :
- Mực nước cao thiết kế (MNCTK) = +2,26m (Hệ cao độ Hòn Dấu).
- Mực nước thấp thiết kế (MNTTK) =-1,28m (Hệ cao độ Hòn Dấu).

5 THUYẾT MINH KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP THIẾT KẾ

5.1 Tổng mặt bằng công trình :

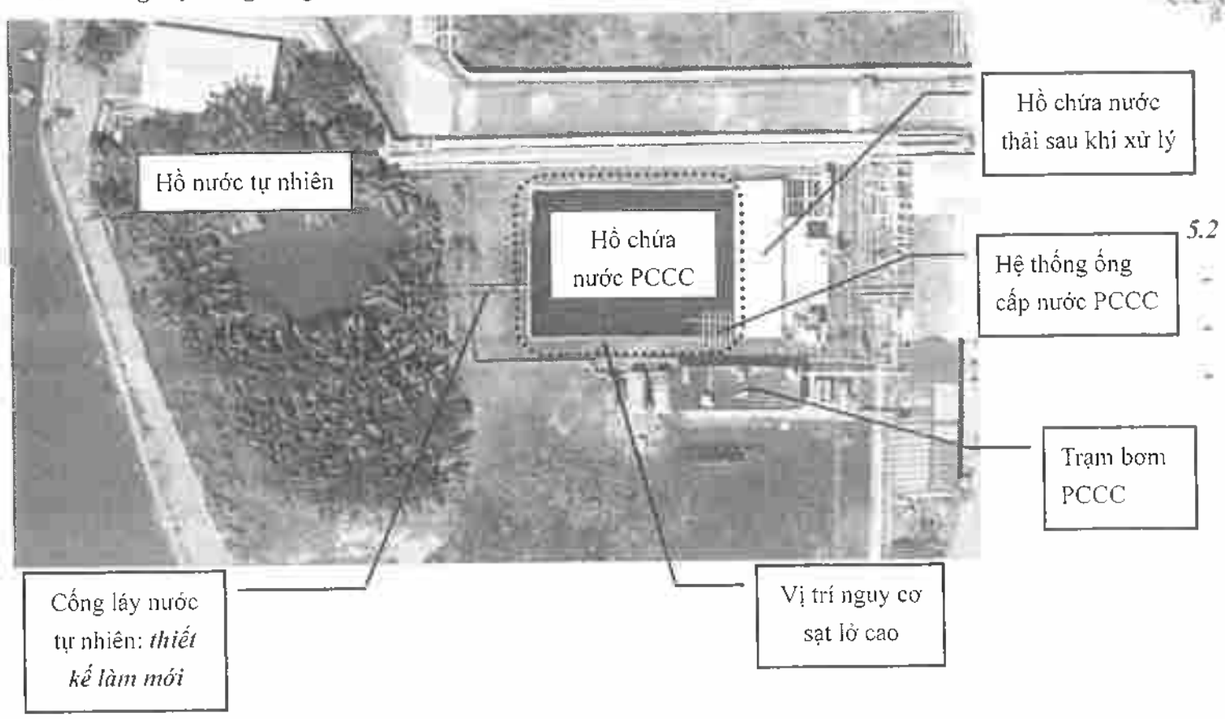

Hình 01: sơ họa vị trí công trình và các kết cấu liên quan

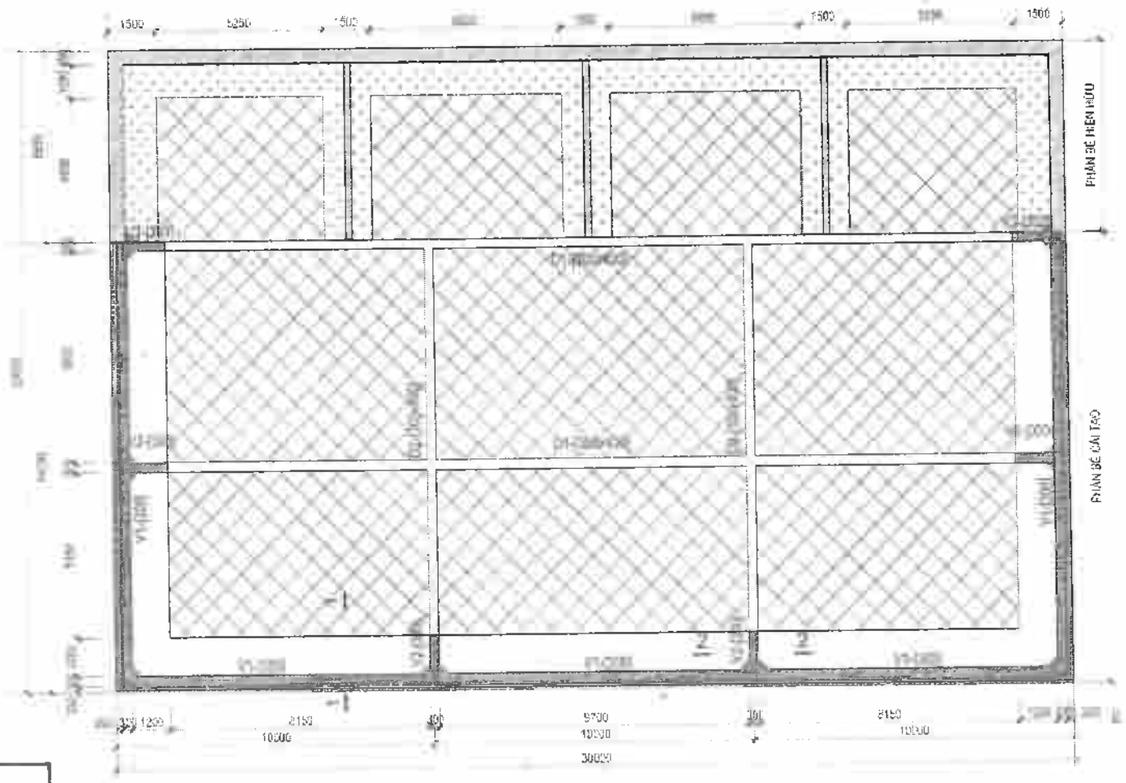

Hình 02: Tổng mặt bằng hồ chứa PCCC

5.2 Hồ chứa PCCC giai đoạn 1 bao gồm:

- Xây dựng mới phần tường bao dày trung bình từ 20-:-45cm bên trong phần tường hiện hữu.
- Xây dựng mới phần sườn tăng cường cao 1.3m, dày 20cm, dài 5.5m
- Xây dựng phần đáy – chân tường bao: dày 30cm, rộng 1.2m, chiều dài toán bộ tường và sườn tăng cường.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG HỮU THANH
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

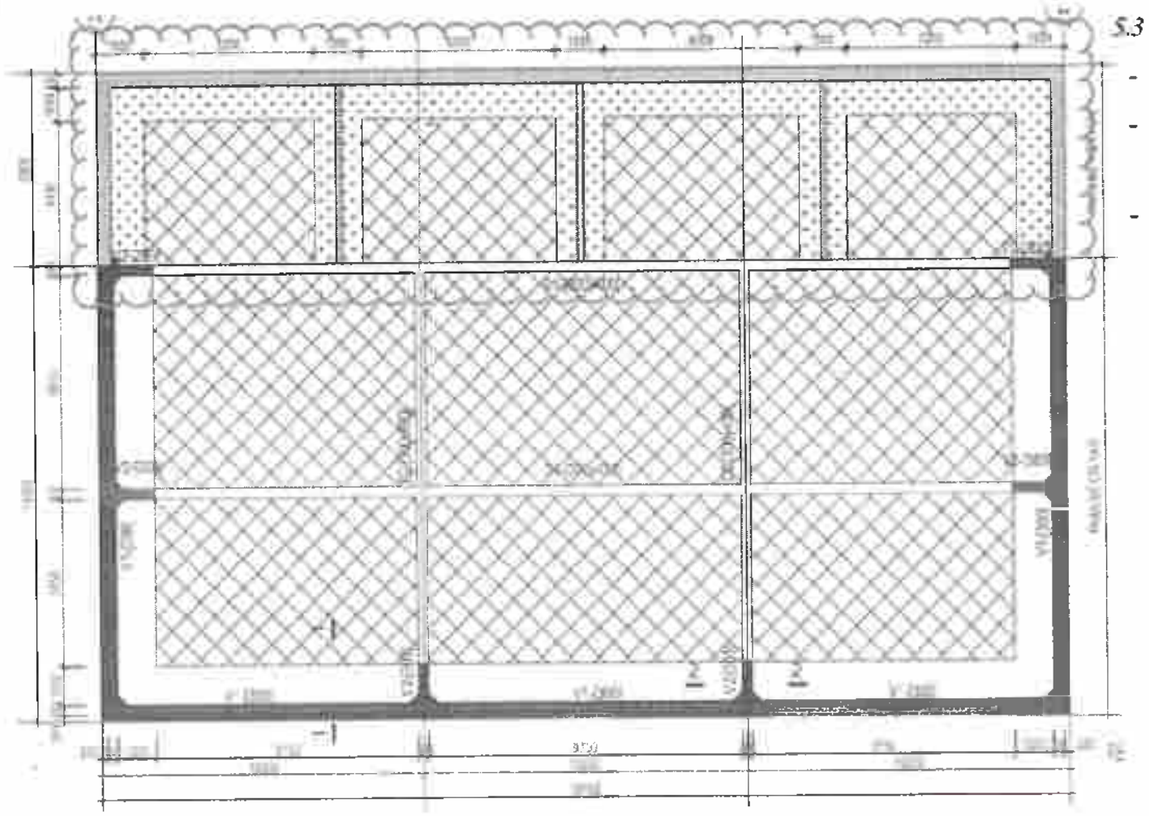

Hình 3: phạm vi xây dựng hồ chứa PCCC giai đoạn 1

Hình 4: mặt cắt ngang tường bao, đáy và sườn tăng cường giai đoạn 1

THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....1.....
ngày..... tháng..... năm 20.....

5.3 Hồ chứa PCCC giai đoạn 2 được thiết kế như sau:

- Phạm vi xây dựng là toàn bộ phần diện tích còn lại của hồ chứa nước PCCC
- Phần tường bao xây mới vẫn như phương án giai đoạn 1 nằm phía trong tường hồ chứa hiện hữu, tuy nhiên phần kết cấu được tính toán tối ưu về mặt kết cấu, và tiết kiệm chi phí xây dựng
- Toàn bộ phần diện tích đáy hồ được xây dựng mới kín toàn bộ đáy hồ
    - Kết cấu hồ chứa được tính toán đảm bảo ổn định bờ hồ và các kết cấu khác lân cận công trình
    - Có phương án đảm bảo hệ thống PCCC hoạt động liên tục trong suốt quá trình thi công đảm bảo an toàn PCCC cho tổng kho xăng dầu.

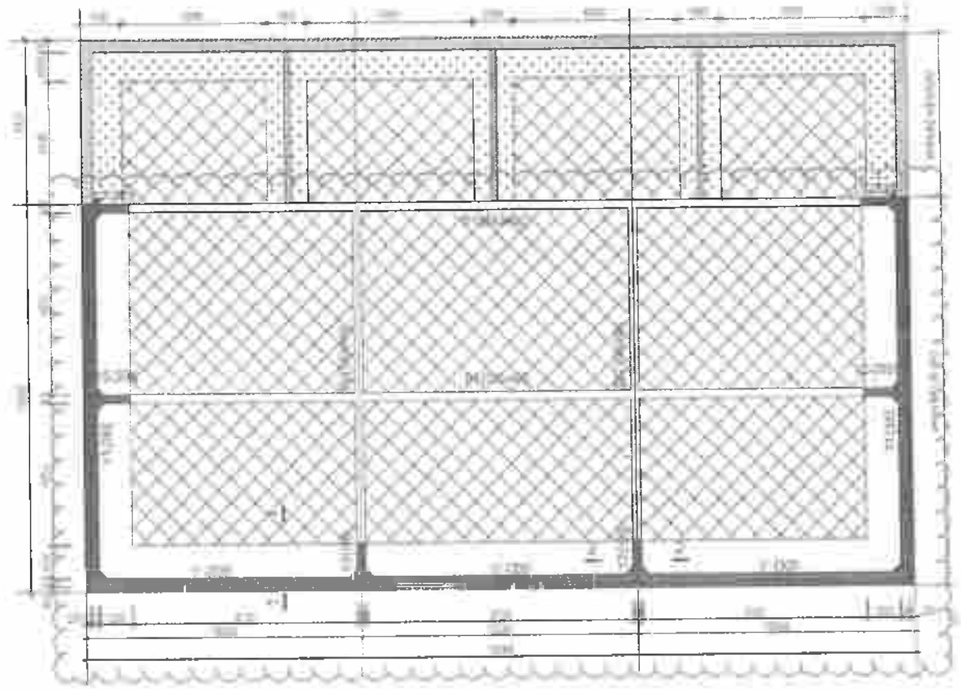

Hình 5: mặt bằng phạm vi xây dựng hồ chứa PCCC giai đoạn 2

5.4 Kết quả thiết kế hồ chứa PCCC giai đoạn 2 như sau:

- Hồ chứa có chiều sâu 2.7m từ đỉnh tường đến đáy hồ sau khi làm mới
- Tường bao xung quanh hồ làm mới bằng BTCT M250 (B20) có bề dày 30cm
- Toàn bộ đáy hồ bằng sàn BTCT M250 (B200 có bề dày 20cm.
- Phần sàn BTCT M250 (b20) chân tường bao có tác dụng tăng cường kết cấu có bề dày 40cm.
- Toàn bộ cốt thép dung cho kết cấu BTCT là thép CB300.

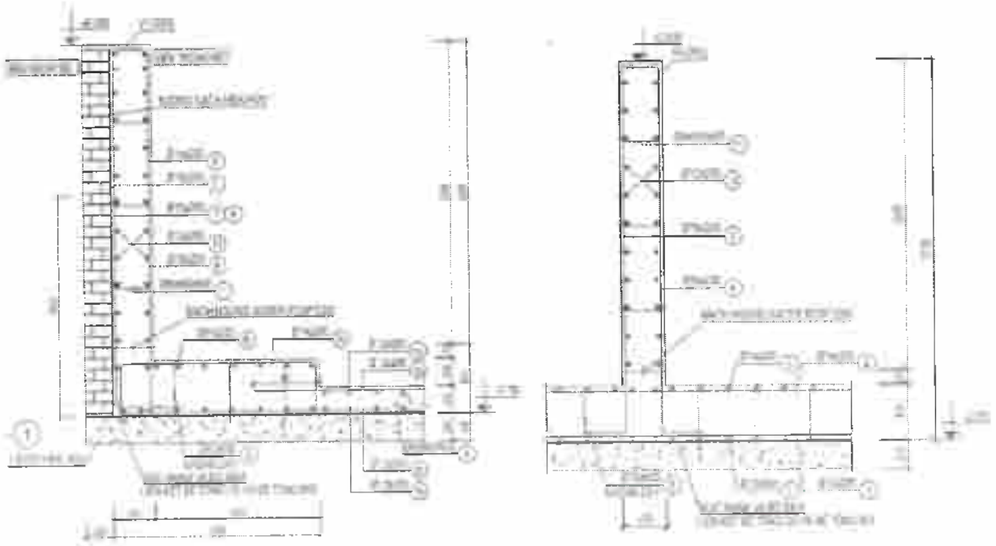

Hình 6: mặt cắt ngang thân tường bao và sườn tăng cường làm mới

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

5.5 Bảng tính toán kết cấu

(xem phụ lục đính kèm)

5.6 Khung tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng

- Căn cứ đệ trình khung tiêu chuẩn;
- Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng:

TT	Tiêu chuẩn	
1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	QCVN 07:2023/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2009/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Phân loại, phân cấp công trình, xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.	QCVN 03:2012/BXD
4	Quy chuẩn xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng	QCVN 10:2014/BXD
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT

(1) Thiết kế cầu, kè

TT	Tiêu chuẩn	
1	Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
2	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054-2005
3	Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
4	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế.	TCVN 5573:2011
5	Thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823:2017
6	Thiết kế công trình chịu động đất	TCVN 9386:2012
7	Tiêu chuẩn phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa	TCXDVN 5664-2009
8	Tiêu chuẩn thiết kế móng cọc	TCVN 10304-2014
9	Tiêu chuẩn thiết kế móng cọc	TCXDVN 205-1998
10	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574-2012
11	Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575-2012
12	Dầm cầu thép và kết cấu thép- Yêu cầu kĩ thuật về chế tạo và nghiệm thu trong công xưởng.	22TCN 288-02
13	Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
14	Gối cầu cao su cốt bản thép không có tấm trượt trong cầu đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 10308:2014
15	Gối cầu kiểu chậu – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 10268:2014
16	Quy định tạm thời về chuyển tiếp giữa cầu và đường	QĐ 3095/QĐ-BGTVT ngày 07/10/2013
17	Hàn cầu thép – Quy định kỹ thuật	TCVN 10309:2014
18	Hàn thép kết cấu cầu	AASHTO / AWS D1.5
19	Hàn thép kết cấu	AASHTO / AWS D1.1 22 TCN 280-01 TCXDVN314:2005
20	Tiêu chuẩn từ biến co ngót	CEB-FIP MC90
21	Tiêu chuẩn thiết kế gia công thép kết cấu	TCXDVN 170:2007
22	Kết cấu thép – Yêu cầu kỹ thuật chung về chế tạo, lắp ráp và nghiệm thu	TCVN 10307:2014
23	Quy trình thiết kế các công trình phụ trợ cầu	22TCN 200-89
24	Quy trình thiết lập tổ chức xây dựng và thiết kế thi công	TCVN 4252-2012
25	Tiêu chuẩn thiết kế - Tải trọng và tác động	TCVN 2737: 1995
26	Cọc bê tông li tâm ứng lực trước	TCVN 7888:2014

TT	Tiêu chuẩn	
27	Thép cốt bê tông- Mối nối bằng ren	TCVN 8163:2009
28	Quy trình kiểm định cầu trên đường ô tô	22TCN 243-1998

(2) Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu

TT	Tiêu chuẩn	
1	Thép dự ứng lực – Phương pháp kéo thử đồng bộ	TCVN 11243:2016
2	Sản phẩm bó vỉa bê tông đúc sẵn	TCVN 10800:2015
3	Gối cống bê tông đúc sẵn	TCVN 10799:2015
4	Mặt đường ô tô – Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011
5	Mặt đường ô tô – Phương pháp đo và đánh giá xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRJ	TCVN 8865:2011
6	Mặt đường ô tô – Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát – Thử nghiệm	TCVN 8866:2011
7	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
8	Nền đường ô tô – thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
9	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447-2012
10	Sơn tín hiệu giao thông – Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước – quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8788:2011
11	Sơn tín hiệu giao thông - vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu	TCVN 8791-2011
12	Quy trình thi công và nghiệm thu lớp cát gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô	22TCN 246-98
13	Quy trình thi công và nghiệm thu dầm bê tông cốt thép dự ứng lực	22TCN 247-1998
14	BT ứng lực trước - Yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu	TCVN 9114-2012
15	Cọc ván dự ứng lực	JIS A5373
16	Cọc- Phương pháp thủ nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393-2012
17	Đóng và ép cọc – Tiêu chuẩn thi công nghiệm thu	TCVN 9394-2012
18	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu cọc khoan nhồi	22 TCN 257-2000
19	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu cọc khoan nhồi	TCVN 9395-2012
20	Thí nghiệm cọc theo phương pháp P.D.A	ASTM D4945
21	Cọc khoan nhồi- Phương pháp xung siêu âm xác định tính đồng nhất của bê tông.	TCVN 9396-2012
22	Cọc-Thí nghiệm kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ	TCVN 9397:2012
23	Gối cao su cốt bản thép	ASTM D2240; D412; D573; D395; D1149; D429; D4014; D570; ASSHTO M256-06
24	Gối chậu	ASTM D4014, ASTM A709M
25	Tiêu chuẩn kỹ thuật khe co giãn	ASTM D676; D471; JIS G3106; JIS G3101; JIS G3112; JIS G4305 AASHTO M297-96 AASHTO M193-96
26	Sơn bảo vệ kết cấu thép – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8789-2011
27	Sơn bảo vệ kết cấu thép – Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8790:2011
28	Quy trình hàn cầu thép	D1.5 ANSI/AASHTO/AWS
29	Kết cấu BT và BTCT. điều kiện thi công và nghiệm thu	TCVN 5724-93
30	Chống ăn mòn trong xây dựng. Kết cấu BT và BTCT. Phân loại môi trường xâm thực	TCVN 3994-85
31	Kết cấu gạch đá – Quy phạm TC và nghiệm thu	TCVN 4085-2011
32	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, Hướng dẫn phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm	TCVN 9345-2012
33	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343-2012
34	Bê tông – yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828-2011
35	Bê tông khối lớn, Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 9341:2012
36	Thi công dưới nước bằng phương pháp vữa dâng	TCVN 9984:2013
37	Bê tông nặng- Phương pháp thử không phá hủy-Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy	TCVN 9335:2012
38	Bê tông nặng	TCVN 3105:93 đến TCVN 3120:93
39	Bê tông nặng – Chỉ dẫn đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCXDVN 239: 2006
40	Bê tông nặng – Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TT	Tiêu chuẩn	
41	Kết cấu BTCT- Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ và đường kính cốt thép	TCVN 9356:2012
42	Tiêu chuẩn an toàn thi công cầu	TCVN 8774:2012
43	Gạch rỗng đất sét nung	TCVN 1450-2009
44	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859: 2011
45	Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8858: 2011
46	Quy trình thi công và nghiệm thu lớp cát gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô	22TCN 246-98
47	Mặt đường bê tông nhựa nóng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu	TCVN 8819: 2011
48	Mặt đường láng nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 8863:2011
49	Mặt đường đá dăm thấm nhập nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 8809:2011
50	Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên – Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8857:2011
51	Qui trình công nghệ thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông nhựa sử dụng nhựa đường polime	22TCN 356-06
52	Quy trình thi công nghiệm thu cầu cống	22 TCN 266 -2000
53	Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377-1:2012
54	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép – Qui phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2012
55	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Qui phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453-1995
56	Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9361: 2012
57	Hoàn thiện mặt bằng xây dựng. Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 4516 – 1988

Và các Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành khác có liên quan.

6 YÊU CẦU VẬT LIỆU

Trước khi thi công, đơn vị thi công phải cung cấp các thông số kỹ thuật về vật liệu công trình cho Chủ đầu tư và đơn vị Tư vấn giám sát, lựa chọn loại vật liệu thích hợp, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo qui trình thi công hiện hành của Nhà nước. Đặc biệt cần lưu ý các yêu cầu đối với các loại vật liệu sau:

- Dùng cát, cốt liệu đổ bêtông phù hợp với TCVN 7570 : 2006.
- Sử dụng xi măng phù hợp TCVN 2682-2009.
- Nước đổ bê tông dùng nước sinh hoạt phù hợp TCVN 4506-2012.
- Sử dụng cốt thép phù hợp với yêu cầu của TCVN 1651 – 2008.
- Các loại vật liệu dùng cho cấp nước, chiếu sáng tuân thủ như thuyết minh ở phần trên.

❖ *Cốt thép thường*

- Tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 1651:2008 - thép cốt bê tông và các tiêu chuẩn hiện hành khác liên quan.
- Cường độ thiết kế của thép theo tiêu chuẩn TCVN 1651:2008:

Loại	Mác thép	Đường kính (mm)	Giới hạn chảy trên R_{eH} (MPa)	Giới hạn bền kéo R_m (MPa)	Độ dãn dài tương đối sau khi đứt A5 (%)
			Nhỏ nhất		
Thép trơn	CB240-T	6 - 40	240	380	20
Thép vằn	CB300-V	6 - 50	300	450	19
	CB400-V	6 - 50	400	570	14

❖ *Thép dự ứng lực và phụ kiện*

- Cáp DUL sử dụng sợi có đường kính danh định 12,7mm loại có độ chùng thấp theo tiêu chuẩn ASTM 416-90a hoặc tương đương với các đặc trưng sau:
  - Giới hạn bền: 1860 Mpa
  - Giới hạn chảy: 1670 Mpa
  - Mô đun đàn hồi E=195000 Mpa.
  - Thép có độ chùng thấp: P1000h không quá 2,5% tương ứng với lực kéo 70% giới hạn bền.

THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
ngày..... tháng..... năm 20....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Người thẩm chứng

❖ *Thép bản, thép hình*

- Thép bản, thép hình tuân thủ theo theo TCVN 5709:1993 - Thép cacbon cán nóng dùng cho xây dựng - yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.
- Cường độ thiết kế của thép theo TCVN 5709:1993

Cấp thép	Giới hạn bền (MPa)	Giới hạn chảy (MPa) cho độ dày (mm)			Độ dãn dài tương đối (%) ứng với độ dày (mm)			Thử uốn nguội 180° d - Đường kính gối uốn a - chiều dày mẫu
		≤20	20-40	40-100	≤20	20-40	>40	
		Không nhỏ hơn			Không nhỏ hơn			
XCT 34	340-440	220	210	200	32	31	29	d=0 (Không gối uốn)
XCT 38	380-500	250	230	220	26	25	23	d=0,5a
XCT 42	420-520	260	250	240	23	23	22	d= 2 a

❖ *Khe co giãn*

- Phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật qui định trong bản vẽ thiết kế và "Chỉ dẫn kỹ thuật" và phải có chứng nhận chất lượng sản phẩm.

❖ *Gối cầu*

- Phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật qui định trong bản vẽ thiết kế và "Chỉ dẫn kỹ thuật" và phải có chứng nhận chất lượng sản phẩm.

7 GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG

7.1 Biện pháp thi công

- Bước 1: Dọn dẹp mặt bằng thi công sạch sẽ và khoanh vùng các cong trình HTKT liên quan để có kế hoạch đảm bảo an toàn thi công
- Bước 2: dọn dẹp cải tạo toàn bộ ao nước hiện hữu để làm phương án hồ chưa nước PCCC dự phòng trong suốt quá trình thi công
- Bước 3: lăp đặt hệ thống ống hút nước tạm thời bằng ống PVC D200 lần lượt từng ống đảm bảo tính liên tục hệ thống PCCC
- Bước 4: đóng cọc cừ tram gia cố các vị trí xung yếu của bờ hồ
- Bước 5: dung hệ thống bơm hút toàn bộ nước trong hồ và hồ nước thải sau khi xử lý đảm bảo hồ nước thải sau khi xử lý không chênh cao quá 1.0m so với đáy hồ PCCC cải tạo để đảm bảo ổn định kết cấu tường ngăn giữa hai hồ chứa và duy trì bơm hút trong suốt quá trình thi công
- Bước 6: sau khi hút hết toàn bộ nước trong hồ tiến hành vệ sinh sạch sẽ và đánh giá lại thực tế hiện trạng có sự điều chỉnh nếu cần thiết
- Bước 7: lắp đặt cốt thép sàn đáy, đổ bê tông sàn đáy
- Bước 8: lắp đặt cốt thép ván khuôn thành vách đổ bê tông phần tường xung quanh và sườn tăng cường

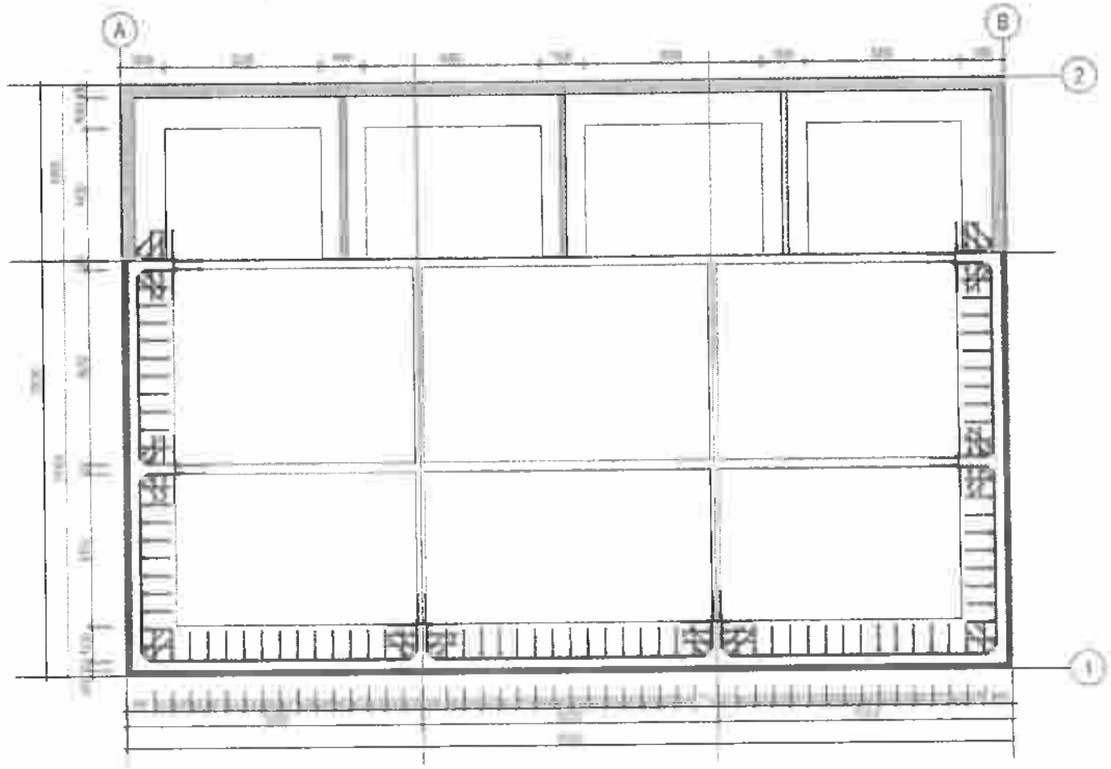

Hình 7: mặt bằng bố trí phụ trợ thi công

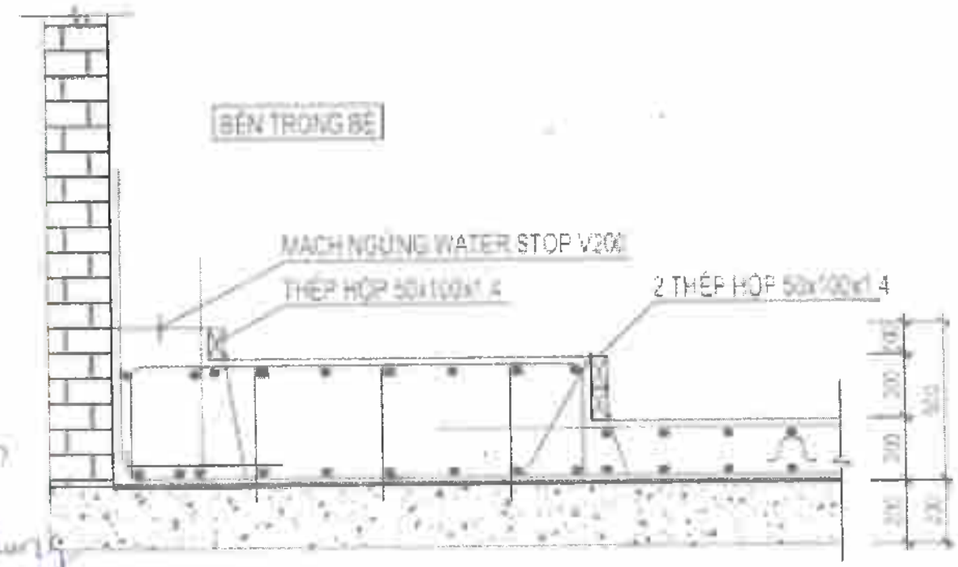

Hình 8: ván khuôn chân tường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BIỂN SÀI GÒN
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:
Nguyễn Hồ Chung

8 BIỆN PHÁP AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ VÀ TIẾN ĐỘ THI CÔNG

8.1 Biện pháp an toàn lao động và phòng chống cháy nổ

Trong quá trình thi công, đơn vị thi công cần lưu ý các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn lao động như sau:

- Phải bố trí đầy đủ biển báo, rào cản, các hướng dẫn cần thiết tại các vị trí công trường đang thi công. Ban đêm phải có đèn báo hiệu đủ sáng để các phương tiện lưu thông nhìn thấy rõ các chướng ngại vật trên đoạn đường đang thi công. Thường xuyên bố trí người điều tiết giao thông tại khu vực công trường.
- Việc tập kết vật liệu phải gọn gàng, tránh tập kết dàn trải, ảnh hưởng đến lưu thông của đường hiện hữu.
- Các phương tiện cơ giới phải được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và được cơ quan đăng kiểm chứng nhận cho phép lưu hành mới được tham gia thi công.
- Trang bị bảo hộ lao động và thường xuyên giám sát, giáo dục ý thức tuân thủ các qui định về bảo hộ lao động của công nhân tham gia thi công công trình như: đội nón bảo hiểm, thi công đúng trình tự thi công…)
- Việc phòng chống cháy nổ là một việc làm cần thiết phải thực hiện nghiêm chỉnh. Tuyệt đối không được mang những vật liệu gây nổ vào trong công trường, ngoài ra cần phải đặt các biểu chống lửa tại các nơi dễ cháy như thùng nhiên liệu, kho vật tư điện nước . . .
- Ban chỉ huy công trường phải chú ý đến công tác phòng chống cháy nổ tại công trường: Bố trí các bình chữa cháy (bình CO2) tại văn phòng bảo vệ công trường, tại kho vật tư, tại các vị trí có máy phát điện hoạt động, và tại văn phòng ban điều hành công trường.
- Đường ra vào công trường phải được thiết lập tiện lợi để xe chữa cháy ra vào dễ dàng nếu có sự cố xảy ra.

8.2 Tiến độ thi công

- Tiến độ thi công phụ thuộc nhiều vào kế hoạch phân bổ nguồn vốn, thời tiết và khả năng bố trí xe máy, nhân lực… của đơn vị thi công.
- Trong hồ sơ này chúng tôi đề xuất trình tự thi công chủ đạo các hạng mục chính với tổng thời gian thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật là **6 tháng**. Khi triển khai thi công, đơn vị thi công sẽ lập tiến độ chi tiết từng hạng mục trình Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư trước khi thực hiện thi công.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
ngày..... tháng..... năm 20....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Nguyễn Hồng Chương

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
DỰ ÁN: KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH
CÔNG TRÌNH: HẠNG MỤC HỒ CHỨA NƯỚC PCCC GIAI ĐOẠN 2

STT	HẠNG MỤC KHỐI LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Phát quang dọn dẹp mặt bằng hồ hiện hữu	m2	2200,00	*Phát quang dừa nước, ao nước khảo sát thực tế 2200m2*
2	Vét hữu cơ dày trung bình 50cm phần hồ hiện hữu	m3	1100,00	*Diện tích ao tự nhiên thực tế *0,5m*
3	Tháo dỡ và di dời hệ thống ống PCCC hiện hữu 6inch	md	39,25	*Khối lượng đo đạc thực tế + thể hiện trên bản vẽ*
	+ Ống 01	md	8,45	*Chiều dài 5,75 + Chiều đứng phần ống hút 2,7m*
	+ Ống 02	md	8,15	*Chiều dài 5,45 + Chiều đứng phần ống hút 2,7m*
	+ Ống 03	md	7,85	*Chiều dài 5,15 + Chiều đứng phần ống hút 2,7m*
	+ Ống 04	md	7,55	*Chiều dài 4,85 + Chiều đứng phần ống hút 2,7m*
	+ Ống 05	md	7,25	*Chiều dài 4,55 + Chiều đứng phần ống hút 2,7m*
4	Tháo dỡ và di dời hệ đỡ ống PCCC	kg	414,93	
	+ Thép hình I100	kg	35,42	*Thép hình I100x50 dài 2,5m - 2 thanh*
	+ Thép hình I200	kg	149,10	*Thép hình I200x100 dài 7,0m - 1 thanh*
	+ Thép hình D168	kg	230,42	*Thanh chống đứng đo thực tế 2,70m (dùng ống 6inch)*
7	Tái lập lại hệ thống ống PCCC hiện hữu 6inch	md	39,25	*Phần KL thể hiện chi tiết bên trên*
8	Tái lập hệ đỡ ống PCCC	kg	414,93	*Phần KL thể hiện chi tiết bên trên*
	+ Thép hình I100	kg	35,42	*Phần KL thể hiện chi tiết bên trên*
	+ Thép hình I200	kg	149,10	*Phần KL thể hiện chi tiết bên trên*
	+ Thép hình D168	kg	230,42	*Phần KL thể hiện chi tiết bên trên*
9	Cung cấp và lắp đặt hệ đỡ ống PCCC tạm thời thép I100	kg	495,83	*Dùng thép hình I100x50, khối lượng 14 bộ, một bộ 2 thanh đứng dài 1,5m, và 1 thanh ngang dài 2,0m*
10	Cung cấp và lắp đặt ống PVC D200 cấp nước PCCC tạm thời	md	230,50	*Số lượng 5 ống, chiều dài từng ống thể hiện trên BV, phần ống đứng cắm vào nước dài 2,0m*
11	Cung cấp và lắp đặt co PVC D200	cái	5,00	*KL 5 ống dùng 5 co*
12	Cung cấp và lắp đặt neo ống PVC D200 trên hệ đỡ	cái	70,00	*Neo 5 ống tại 14 vị trí trụ tạm: 5*14*
13	Đóng cọc cừ tràm, đk ngọn 4cm, chiều dài 4.5m, mật độ 16 cây/m2	md	3308,62	*Phần diện tích đóng cừ : 45.953*0,50*chiều dài cừ 4,5m*mật độ 16 cây/m2*
14	Tháo dỡ và loại bỏ van ngăn triều hiện hữu	kg	100,00	*Van cũ cần tháo dỡ có khối lượng ước lượng khoảng 100kg*
15	Lắp đặt van ngăn triều mới	cái	1,00	*Thao mới 1 vị trí*
16	Tháo dỡ ống HDPE D400 hiện hữu	md	15,00	*Khoảng cách từ ao nước tự nhiên và hồ chứa pccc*
17	Cung cấp và lắp đặt ống HDPE mới	md	15,00	*Khoảng cách từ ao nước tự nhiên và hồ chứa pccc*
18	Hút nước bằng máy gơm hút điện 25m3/h	m3	1258,00	*Thể tích ao 20x30x1,7m + ao xử lý nước thải 7x20x1,7m*
19	Dọn dẹp hữu cơ chiều dài trung bình 50cm toàn bộ đáy ao	m3	300,00	*Diện tích ao 20x30x0,5m*
20	Bê tông M250 đáy hồ, sườn tăng cường, dầm tăng cường đáy, chân tường	m3	173,62	*xem phục lục KL chi tiết*
21	Cốt thép CB300 tròn các loại	kg	18834,54	*xem thống kê và mô tả chi tiết trên BV*
	Cốt thép CB300 đường kính D<10	kg	351,08	*xem thống kê và mô tả chi tiết trên BV*
	Cốt thép CB300 đường kính 10 <D<18	kg	18483,46	*xem thống kê và mô tả chi tiết trên BV*
22	Ván khuôn phim dày 18mm thi công	m2	217,85	*xem phục lục KL chi tiết*
23	Hệ văng chống	cái	302,00	*Đếm trên BV*
24	Thép hộp 40x40x1.4mm	md	392,70	*xem phục lục KL chi tiết*
25	Thép hộp 50x100x1.4	md	482,58	*xem phục lục KL chi tiết*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
ngày..... tháng..... năm 20...
Chủ trì bộ môn ký tên:

I. TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ (TÓM TẮT)

STT	TÀI LIỆU	KÍ HIỆU
1	- HỒ SƠ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC CHỦ ĐẦU TƯ CHẤP THUẬN	
2	- TẢI TRỌNG VÀ TÁC ĐỘNG - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ	TCVN 2737 : 2023
3	- KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ	TCVN 5574 : 2018
4	- KẾT CẤU THÉP - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ	TCVN 5575 : 2012
5	- NỀN, NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ	TCVN 9362 : 2012
6	- MÓNG CỌC - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ	TCVN 10304 : 2014
7	- KẾT CẤU GẠCH ĐÁ VÀ GẠCH ĐÁ CỐT THÉP	TCVN 5573 : 2011

II. YÊU CẦU CHUNG CHO BÊ TÔNG CỐT THÉP

II.1. XI MĂNG

XI MĂNG SỬ DỤNG CHO BÊ TÔNG LÀ XIMĂNG PORTLAND HỖN HỢP PCB40, PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN TCVN 6260:2009 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG.

II.2. BÊ TÔNG

2.1) CỐT LIỆU BÊTÔNG PHẢI PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN: TCVN 7570:2006.

2.2) BÊ TÔNG PHẢI ĐƯỢC CUNG CẤP BỞI NHÀ CUNG CẤP ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG VỀ SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP BÊ TÔNG.

2.3) BÊ TÔNG TRỘN VỚI ĐỘ SỤT DƯỚI 75 MM SẼ KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG. TRỪ KHI NHÀ THẦU CHỨNG MINH RẰNG CÓ THỂ ĐẠT ĐƯỢC ĐỘ RẮN KẾT PHÙ HỢP VỚI ĐỘ SỤT THẤP HƠN, NHƯNG TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC THẤP HƠN 50 MM.

2.4)CHỦNG LOẠI BÊ TÔNG LẤY THEO BẢNG VẬT LIỆU.

II.3. CỐT THÉP :

3.1) CHỦNG LOẠI THÉP TRỪ KHI CÓ CÁC GHI CHÚ KHÁC, CHỦNG LOẠI THÉP LẤY THEO BẢNG VẬT LIỆU.

3.2) KHI UỐN CỐT THÉP PHẢI UỐN NGUỘI, KHÔNG ĐƯỢC GIA CÔNG NHIỆT ĐỂ UỐN CỐT THÉP.

3.3) CỐT THÉP HÀN PHẢI TUÂN THỦ TIÊU CHUẨN TCVN 5574 : 2018.

II.4. CỐT THÉP, BU LÔNG NEO VÀ CÁC ỐNG ĐẶT SẴN PHẢI ĐƯỢC LẮP ĐẶT CHÍNH XÁC VÀ NEO GIỮ HỢP LÝ TRƯỚC KHI ĐỔ BÊ TÔNG.

II.5. TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH ĐỔ BÊ TÔNG, TẤT CẢ CÁC ĐƯỜNG ỐNG NGẦM (KỂ CẢ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC VÀ ĐƯỜNG CÁP) SẼ PHẢI ĐƯỢC CHỈ PHỐ THEO CÁC BẢN VẼ THIẾT KẾ LIÊN QUAN

II.6 CÁC MẠCH NGƯNG BÊ TÔNG PHẢI LÀM NHÁM, VỆ SINH SẠCH SẼ, SỬ DỤNG PHỤ GIA LIÊN KẾT BÊ TÔNG MỚI - BÊ TÔNG CŨ VÀ TUÂN THỦ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CỦA NHÀ SẢN XUẤT.

II.7. LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ: ĐƯỢC LẤY THEO BẢNG CHIỀU DÀY LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ

III. YÊU CẦU KHÁC:

III.1)TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ LÀ MILIMET, TRỪ KHI CÓ CHỈ ĐỊNH KHÁC

III.2)NHÀ THẦU PHẢI LÀM RÕ CÁC KÍCH THƯỚC VÀ CAO ĐỘ TẠI HIỆN TRƯỜNG, GIẢI QUYẾT SỰ KHÁC NHAU GIỮA BẢN VẼ KIẾN TRÚC VÀ KẾT CẤU TRƯỚC KHI THI CÔNG. SỰ KHÁC NHAU TRONG BẢN VẼ TỪ VIỆC KIỂM TRA NÀY PHẢI ĐƯỢC PHẢN HỒI LẠI CHO KỸ SƯ NGAY LẬP TỨC.

III.3)BẢN VẼ CHỈ NHỮNG CHI TIẾT CHUNG, ĐIỂN HÌNH KHI XÂY DỰNG. KHI TÌNH HUỐNG GIỐNG NHƯ CHI TIẾT THỂ HIỆN VÀ MẶC DÙ KHÔNG CÓ CHỈ ĐỊNH GÌ ĐẶC BIỆT THÌ NHỮNG CHI TIẾT NHƯ VẬY PHẢI ĐƯỢC SỬ DỤNG DƯỚI SỰ XEM XÉT VÀ CHẤP THUẬN CỦA KỸ SƯ TRỰC TIẾP.

III.4)NHÀ THẦU PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM MỘT MÌNH VỀ SỰ PHỐI HỢP CÔNG VIỆC KẾT CẤU, KIẾN TRÚC, ĐẶT CÁC ỐNG CHỜ M&E. VÀ TRÌNH BẢN VẼ SHOP DRAWING ĐỂ KIỂM TRA VÀ CHẤP THUẬN TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH THI CÔNG

III.5)NHÀ THẦU PHẢI TRÌNH CÁC BẢN VẼ CÔNG TRƯỜNG CHO TẤT CẢ CÁC YÊU CẦU ĐẶC BIỆT, VÍ DỤ NHƯ ỨNG SUẤT TRƯỚC, TƯỜNG CHẮN...ĐỂ KIỂM TRA VÀ CHẤP THUẬN TRƯỚC KHI BẮT ĐẦU CÔNG VIỆC. CÁC BẢN VẼ CÔNG TRƯỜNG TRÌNH NỘP PHẢI KẾT HỢP TẤT CẢ CÁC CHI TIẾT NỐI CẤN THIẾT CỦA CÁC THÀNH PHẦN KẾT CẤU NHƯ CÁC CẤU KIỆN, TẤM ĐẶT VÀO TRƯỚC...

III.6)SỬ DỤNG DÂN GIÁO KẾT HỢP LƯỚI BAO CHE ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG.

III.7) BỐ TRÍ CÁC ỐNG THU RÁC ĐỂ CHUYỂN RÁC TỪ CÁC TẦNG XUỐNG ĐẤT VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI THEO QUY ĐỊNH.

III.8) PHẢI BỐ TRÍ LAN CAN AN TOÀN TẠI CÁC VỊ TRÍ CẦN THIẾT NHƯ LỖ THÔNG TẦNG, HỘP GEN, HÀNH LANG, CẦU THANG...

III.9)MỘT SỐ CẤU KIỆN ĐƯỢC THIẾT KẾ BỞI NHÀ THẦU ĐIỂN HÌNH NHƯ:

- CÁC CẤU KIỆN TẠM (SẼ BỊ THÁO DỠ KHI HOÀN THIỆN CÔNG TRÌNH)
- CÁC CẤU KIỆN HOẶC PHẦN VIỆC MÀ SỰ LÀM VIỆC TÙY THUỘC VÀO CÔNG NGHỆ CỦA NHÀ CUNG CẤP: CHỐNG THẤM, ..

III.10)NHỜ GIẢM SỰ CO GIÃN VÌ NHIỆT ĐỘ CỦA BÊTÔNG KHI THI CÔNG BÊTÔNG TRÊN DIỆN TÍCH RỘNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH. NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP NHƯ PHÂN ZONE THI CÔNG XEN KẼ HOẶC SỬ DỤNG CÁC DÃI ĐỔ SAU NHẰM HẠN CHẾ VẤN ĐỀ NÀY.

IV. VẬT LIỆU SỬ DỤNG

IV.1.BÊ TÔNG

- BÊ TÔNG KHỐI CỨNG TỰ NHIÊN	CẤP ĐỘ BỀN	R b (MPa)
- BÊ TÔNG VÁCH BỂ	B20	11.5
- BÊ TÔNG CỘT, DẦM, SÀN	B20	11.5
- LÁNH TÔ, TRỤ, GIẰNG TƯỜNG, KẾT CẤU PHỤ KHÁC	B15	8.5
- BÊ TÔNG SÀN MIỆNG TẦNG 1 (HIỆU CÓ), SÂN SÂNH TẦNG 1	B15	8.5
- BÊ TÔNG LÓT MÓNG DÙNG BÊ TÔNG B10		

IV.2.CỐT THÉP

THÉP TRƠN TRƠN VÀ THÉP GAI	LOẠI	Ry (MPa)
- THÉP : Ø6, 8	CB240-T	240
- THÉP ĐƯỜNG KÍNH : >=10	CB300-V	300
- CỐT THÉP CHỊU LỰC DÀI (COC, GIẰNG MÓNG >=Ø18	CB400-V	400

IV.3.KHỐI XÂY

- ĐỐI VỚI TƯỜNG XÂY CHỊU LỰC, SỬ DỤNG GẠCH ĐẤT SÉT NUNG, MÁC 75#, VỮA XI MĂNG MÁC 75#
- TƯỜNG XÂY BIÊN BAO CHE BÊN NGOÀI NHÀ, TƯỜNG PHÒNG VỆ SINH SỬ DỤNG GẠCH ĐẤT SÉT NUNG, GẠCH ĐẶC, MÁC 75#, VỮA XI MĂNG MÁC 75#
- TƯỜNG XÂY NGĂN CHIA PHÒNG BÊN TRONG SỬ DỤNG GẠCH KHÔNG NUNG, MÁC 75#, VỮA XI MĂNG MÁC 75#

V.CHẾ TẠO CỐT THÉP

V.1.YÊU CẦU CHUNG

1) KHÔNG SỬ DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP GIA CÔNG NHIỆT (UỐN, KÉO, ..) TRỪ KHI CÓ CÁC CHỈ DẪN CỤ THỂ TRONG BẢN VẼ THIẾT KẾ CỐT THÉP

2) MỌI CỐT THÉP BỊ HƯ HỎNG TRONG QUÁ TRÌNH CHẾ TẠO (NỨT, THU NHỎ TIẾT DIỆN, ...) ĐỀU KHÔNG ĐƯỢC ĐƯA VÀO SỬ DỤNG DƯỚI BẤT KỲ HÌNH THỨC NÀO

V.2. UỐN MÓC CỐT THÉP

(*) UỐN MÓC CỐT THÉP PHẢI TUÂN THỦ THEO CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐƯỜNG KÍNH GỐI UỐN ĐƯỢC NÊU TRONG TIÊU CHUẨN TCVN 1651-1 : 2008 VÀ TCVN 1651-2 : 2008

(*) CHỈ ĐƯỢC UỐN CỐT THÉP CHỈ ĐƯỢC THỰC HIỆN BẰNG CÁC PHƯƠNG PHÁP CƠ HỌC

1) UỐN NEO CỐT THÉP DỌC CHỊU LỰC

UỐN MÓC NEO CỐT THÉP CHỊU LỰC, THEO CẤU TẠO TUÂN THỦ THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN SAU :

+ CÁC CHỈ DẪN THỂ HIỆN TRONG BẢN VẼ THIẾT KẾ VÀ THÔNG KÊ CỐT THÉP

+ CHỈ CẦN THỰC HIỆN UỐN NEO GÓC UỐN 90° TRỪ KHI CÓ CHỈ ĐỊNH CỤ THỂ TRONG BẢN VẼ THIẾT KẾ

2) UỐN MÓC CỐT ĐAI

UỐN MÓC CỐT ĐAI CẤU TẠO BỞI THÉP TRÒN TRƠN, THÉP THANH VẰN TUÂN THỦ THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN SAU :

+ CÁC CHỈ DẪN THỂ HIỆN TRONG BẢN VẼ THIẾT KẾ, THÔNG KÊ CỐT THÉP

+ CÁC CHỈ DẪN UỐN MÓC CỐT THÉP THEO BẢNG SAU :

UỐN CONG VÀ MÓC THÉP (ĐƠN VỊ : MM)

Đ.KÍNH Ø	UỐN THÉP 180° Ømin	UỐN THÉP 180° Lmin	UỐN THÉP 90° Ømin	UỐN THÉP 90° Lmin	UỐN THÉP 135° Ømin	UỐN THÉP 135° Lmin
6	5Ø	50	5Ø	70	5Ø	50
8		50		80		50
10		50		100		50
12		60		120		60
14		70		140		70
16		-		150		80
18		-		160		90
20	8Ø	-	8Ø	200	8Ø	100
22		-		220		110
25		-		250		125
28		-		280		140
32		-		320		160

3) UỐN CHUYỂN HƯỚNG CỐT THÉP DỌC CHỊU LỰC

(*) CHỈ ĐẶN TRONG MỤC NÀY ÁP DỤNG CHO CÔNG TÁC UỐN CỐT THÉP CHỊU LỰC TẠI CÁC VỊ TRÍ THAY ĐỔI TIẾT DIỆN CẤU KIỆN, CÁC VỊ TRÍ NỐI THÉP CÙNG TRỤC, ...

(*) UỐN CHUYỂN HƯỚNG CỐT THÉP DỌC CHỊU LỰC CẦN TUÂN THỦ THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN SAU :

+ CÁC CHỈ DẪN THỂ HIỆN TRONG BẢN VẼ THIẾT KẾ VÀ THÔNG KÊ CỐT THÉP

+ CHỈ DẪN CỤ THỂ SAU : H > 6A

VI.CHỈ DẪN CẤU TẠO BÊ TÔNG CỐT THÉP

VI.1. LỚP BẢO VỆ BÊ TÔNG

(1) CHIỀU DÀY LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP ĐƯỢC XÁC ĐỊNH BẰNG KHOẢNG CÁCH TỪ MẶP NGOÀI THANH THÉP DỌC NGOÀI CÙNG TỚI BIÊN CỦA TIẾT DIỆN CẤU KIỆN BÊ TÔNG.

D : ĐƯỜNG KÍNH THANH THÉP DỌC LỚN NHẤT TẠI BIÊN

A : CHIỀU DÀY LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP > A > D

A ; CỐT THÉP

(2) CHIỀU DÀY LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ ĐỐI VỚI CỐT THÉP DỌC CHỊU LỰC CẦN ĐƯỢC LẤY KHÔNG NHỎ HƠN:

+ ĐƯỜNG KÍNH THANH THÉP LỚN NHẤT

+ CÁC GIÁ TRỊ ĐƯỢC NÊU TRONG BẢNG SAU :

BẢNG DÀY LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CẤU KIỆN

TÊN CẤU KIỆN PHẦN KẾT CẤU MÓNG	LỚP BẢO VỆ (MM)	TÊN CẤU KIỆN PHẦN KẾT CẤU THÂN	LỚP BẢO VỆ (MM)
- CỌC BÊ TÔNG CỐT THÉP	[illegible]	- CỘT, DẦM TRONG [illegible]	25
- ĐÀI CỌC (NẰM DƯỚI)	[illegible]	- CỘT, DẦM NGOÀI NHÀ	30
- ĐÀI CỌC (NẰM TRÊN), GIẰNG [illegible]	[illegible]	- SÀN, CẦU THANG	20
- MÓNG ĐƠN	[illegible]	- LÁNH TÔ, BỘ TRỤ	15
- BÊ NGẦM, GA NGẦM, CÁC CẤU KIỆN NGẦM KHÁC	[illegible]		

GHI CHÚ:

- LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ THEO QUY ĐỊNH CẤU TẠO CỦA TCVN 5574:2018
- TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP LỚP BTBV KHÔNG ĐƯỢC NHỎ HƠN ĐƯỜNG KÍNH THANH CỐT THÉP VÀ KHÔNG NHỎ HƠN 10MM

VI.2.KHOẢNG CÁCH TỐI THIỂU GIỮA CÁC THANH THÉP

(1) KHOẢNG CÁCH THÔNG THỦY GIỮA CÁC THANH THÉP CẦN PHẢI ĐẢM BẢO THUẬN TIỆN TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG, ĐẢM BẢO SỰ LÀM VIỆC ĐỒNG THỜI CỦA CỐT THÉP VÀ BÊ TÔNG

A_1: KHOẢNG CÁCH THÔNG THỦY GIỮA CÁC THANH THÉP

D : ĐƯỜNG KÍNH THANH THÉP DỌC LỚN NHẤT

(2) KHOẢNG CÁCH THÔNG THỦY GIỮA CÁC THANH CỐT THÉP DỌC LẤY KHÔNG NHỎ HƠN CÁC GIÁ TRỊ SAU:

+ ĐƯỜNG KÍNH THANH THÉP LỚN NHẤT

+ 1.5 X (KÍCH THƯỚC CỐT LIỆU THÔ LỚN NHẤT)

+ GIÁ TRỊ ĐƯỢC NÊU TRONG BẢNG SAU :

TT	DẠNG CẤU TẠO CỐT THÉP				KHOẢNG CÁCH MIN (MM)
I	CỐT THÉP NẰM NGANG HOẶC XIÊN	CỐT THÉP LỚP DƯỚI	DƯỚI 3 LỚP THÉP		25
			TỪ 3 LỚP THÉP TRỞ LÊN	2 LỚP DƯỚI	25
				TỪ LỚP THỨ 3	50
		CỐT THÉP LỚP TRÊN			[illegible]
II	CỐT THÉP ĐỨNG	KHI KHÔNG KIỂM SOÁT KÍCH THƯỚC CỐT LIỆU THÔ			50
		KHI CÓ KIỂM SOÁT KÍCH THƯỚC CỐT LIỆU THÔ			25

(3) KHOẢNG CÁCH THÔNG THỦY GIỮA CÁC THANH CỐT THÉP DỌC LẤY KHÔNG LỚN HƠN 400MM

(4) NHÀ THẦU THI CÔNG CẦN CÓ BIỆN PHÁP THI CÔNG THÍCH HỢP ĐỂ ĐẢM BẢO KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC THANH CỐT THÉP TẠI MỖI VỊ TRÍ

VI.3.NỐI THÉP

- CÁC CHỈ DẪN CẤU TẠO CẤU KIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP NÊU TRONG MỤC NÀY TUÂN THỦ THEO CÁC QUY ĐỊNH ĐƯỢC NÊU TRONG TIÊU CHUẨN TCVN 5574 : 2018
- CHIỀU DÀI NỐI CỐT THÉP ĐƯỢC ÁP DỤNG VỚI BÊ TÔNG NẶNG VÀ CỐT THÉP KHÔNG SƠN PHỦ HÓA CHẤT LÀM THAY ĐỔI KHẢ NĂNG BÁM DÍNH CỐT THÉP VỚI BÊ TÔNG
- NỐI CHỒNG CỐT THÉP CẦN TUÂN THỦ THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN SAU :

+ CÁC CHỈ DẪN CỤ THỂ TRONG BẢN VẼ THIẾT KẾ VÀ THÔNG KÊ CỐT THÉP

+ CÁC MỐI NỐI CỐT THÉP ĐƯỢC THỰC HIỆN BẰNG NỐI BUỘC BẰNG SỢI THÉP CÓ ĐƯỜNG KÍNH < > 0.8 (MM)

+ MỐI NỐI BUỘC CHỈ ÁP DỤNG CHO CÁC THANH THÉP CÓ ĐƯỜNG KÍNH KHÔNG LỚN HƠN 40MM

1) NỐI LỆCH TRỤC

ÁP DỤNG CHO NỐI CHỒNG CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH : D < 14 (MM)

BUỘC DÂY THÉP TẠI HAI ĐẦU, ~> 0.8 (MM)

2) NỐI CÙNG TRỤC

ÁP DỤNG CHO NỐI CHỒNG CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH : 14 < D < 32 (MM)

BUỘC DÂY THÉP TẠI HAI ĐẦU, ~> 0.8 (MM)

H > 6A

+ KHÔNG DÙNG MỐI NỐI BUỘC ĐỐI VỚI CỐT THÉP KHÔNG A-IV, CA-IV TRỞ LÊN

+ KHI NỐI CHỒNG CÁC THANH ĐỐI ĐẦU CẦN PHẢI XẾP KỀ SÁT NHAU; TRƯỜNG HỢP KHÔNG THỂ GHÉP SÁT NHAU THÌ CHO PHÉP KHOẢNG HỞ E GIỮA CHÚNG VÀ E < 4D

+ KHOẢNG CÁCH THÔNG THỦY GIỮA CÁC MỐI NỐI CHỒNG: A > 2D (30MM)

+ TRONG TIẾT DIỆN CẤU KIỆN, KIỂN BỐ TRÍ CÁC MỐI NỐI ĐỐI XỨNG NHAU

+ CÁC MỐI NỐI BỐ TRÍ SO LE DỌC THEO CHIỀU DÀI CẤU KIỆN, KHÔNG ĐƯỢC NỐI TRÊN MỘT TIẾT DIỆN QUÁ 50% TỔNG DIỆN TÍCH CỐT THÉP CHỊU KÉO ĐỐI VỚI CỐT THÉP GAI VÀ KHÔNG QUÁ 25% ĐỐI VỚI CỐT THÉP TRƠN TRƠN

MAX(6d,50)

L nối | 0.3*L N | L nối

+ CÁC THANH THÉP TRƠN TRƠN CHỊU KÉO (KHI NỐI BUỘC) PHẢI ĐƯỢC UỐN MÓC Ở ĐẦU NHƯ TRÊN HÌNH (A)

+ CÁC THANH THÉP CÓ GỜ (THÉP GAI) KHÔNG CẦN UỐN MÓC Ở ĐẦU NHỮNG KHI CẦN ĐỂ NEO CÓ THỂ ĐƯỢC UỐN NỐI HÌNH (B)

+ KHÔNG SỬ DỤNG MỐI NỐI HÀN, NỐI CỐC KẸP, NỐI REN... TRỪ KHI CÓ CHỈ DẪN CỤ THỂ TRONG BẢN VẼ THIẾT KẾ. MỐI HÀN THỰC HIỆN TRÊN CÔNG TRƯỜNG PHẢI ĐƯỢC NGHIỆM THU THEO ĐÚNG QUY TRÌNH QUY PHẠM NGHIỆM THU HIỆN HÀNH

+ KHI TRONG BẢN VẼ CH. TIẾT KHÔNG THỂ HIỆN CHIỀU DÀI ĐOẠN NỐI CHỒNG CỐT THÉP THÌ CHIỀU DÀI ĐOẠN NỐI CHỒNG CỐT THÉP LẤY KHÔNG NHỎ HƠN GIÁ TRỊ CHO TRONG BẢNG SAU (BẢNG ÁP DỤNG CHO THANH CỐT THÉP ĐƠN) :

- CHIỀU DÀI NỐI CỐT THÉP TỐI THIỂU (LNỐI) TRONG VÙNG KÉO.

LOẠI	NHÓM CỐT THÉP	CẤP ĐỘ BỀN BÊ TÔNG B15	B20	B22,5	B25
DẦM, SÀN (KẾT CẤU KHÁC)	CB240-T	50d	45d	40d	40d
	CB300-V	50c	45d	40d	40d
	CB400-V	60d	50d	45d	45d

LOẠI	CHIỀU DÀI NỐI THÉP (LNỐI)
CỘT	40Ø

- CHIỀU DÀI NỐI CỐT THÉP TỐI THIỂU (LNỐI) TRONG VÙNG NÉN.

LOẠI	NHÓM CỐT THÉP	CẤP ĐỘ BỀN BÊ TÔNG B15	B20	B22,5	B25
DẦM, SÀN (KẾT CẤU KHÁC)	CB240-T	40d	35d	30d	30d
	CB300-V	40d	30d	30d	30d
	CB400-V	45d	40c	35d	35d

VI.6. NEO CỐT THÉP

- CHIỀU DÀI NEO CỐT THÉP ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG BẢNG DƯỚI TRỪ NHỮNG GHI CHÚ CỤ THỂ KHÁC TRONG ĐÓ: d LÀ ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP DỌC LỚN NHẤT

LOẠI	CHIỀU DÀI NEO THÉP (Lneo)
CỘT	40Ø

- CHIỀU DÀI NEO CỐT THÉP TỐI THIỂU (Lan) TRONG VÙNG KÉO .

LOẠI	NHÓM CỐT THÉP	CẤP ĐỘ BỀN BÊ TÔNG B15	B20	B22,5	B25
DẦM, SÀN (KẾT CẤU KHÁC)	CB240-T	45d	40d	40d	40d
	CB300-V	45d	40d	40d	40d
	CB400-V	50c	45d	40d	40d

- CHIỀU DÀI NEO CỐT THÉP TỐI THIỂU (Lan) TRONG VÙNG NÉN.

LOẠI	NHÓM CỐT THÉP	CẤP ĐỘ BỀN BÊ TÔNG B15	B20	B22,5	B25
DẦM, SÀN (KẾT CẤU KHÁC)	CB240-T	30d	30d	30d	30d
	CB300-V	30d	30d	30d	30d
	CB400-V	40d	35d	30d	30d

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

ngày..... tháng..... năm 20...

Chủ trì bộ môn ký tên

Nguyễn Thông Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP TỔNG GIÁM ĐỐC ĐINH THIỆN HIỀN	TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CP PHƯƠNG HỮU THANH GIÁM ĐỐC TRẦN VĂN HỮU	THIẾT KẾ: TRẦN VĂN QUÝ KIỂM TRA: BÙI THỊ LAN HƯƠNG CTTK: NGUYỄN THANH SƠN CNTK: TRẦN VĂN HỮU

CÔNG TRÌNH: TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐẠI PHƯỚC, T.ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC: HỒ CHỨA NƯỚC PCCC - GĐ2

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÁC GHI CHÚ CHUNG

BẢN VẼ SỐ: 01	KH: BVTK-HCNPCCC-GĐ2
TỶ LỆ: XEM BẢN VẼ	9/2025

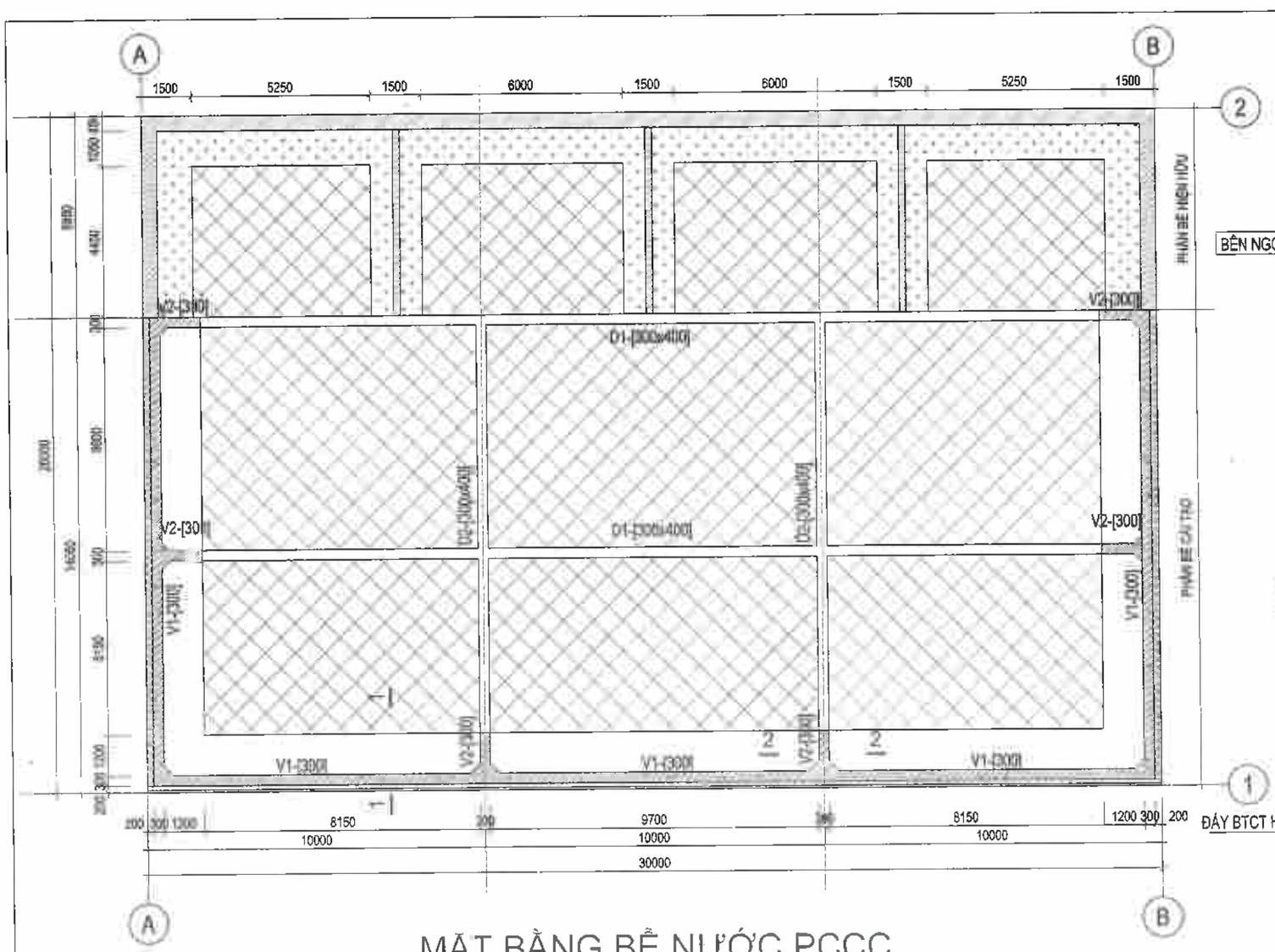

MẶT BẰNG BỂ NƯỚC PCCC

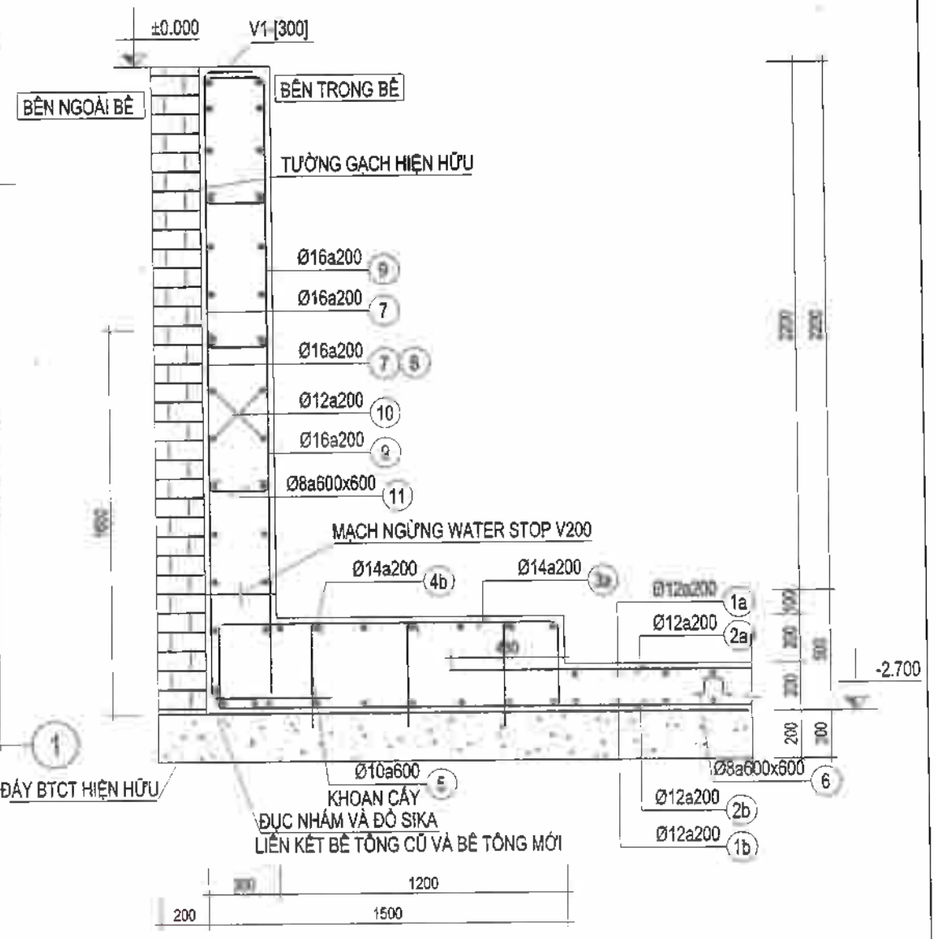

MẶT CẮT 1-1

GHI CHÚ:

- VÁCH BTCT HIỆN HỮU
- SÀN BTCT HIỆN HỮU
- TƯỜNG GẠCH HIỆN HỮU
- VÁCH BTCT XÂY MỚI M250 (B20)
- SÀN BTCT DÀY 200mm XÂY MỚI M250 (B20)
- SÀN BTCT DÀY 400mm XÂY MỚI M250 (B20)

CỐT THÉP >= Ø10 SỬ DỤNG CB300
CỐT THÉP < Ø10 SỬ DỤNG CB300
LƯU Ý TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG PHẢI KIỂM SOÁT MỰC NƯỚC NGẦM THẤP HƠN ĐÁY BỂ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
ngày..... tháng..... năm 20....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Nguyễn Thế Chung

Nguyễn Thắng Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP P.TỔNG GIÁM ĐỐC ĐINH THIỆN HIỀN	TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CP PHƯƠNG HỮU THANH GIÁM ĐỐC TRẦN VĂN HỮU	THIẾT KẾ	TRẦN VĂN QUÝ	CÔNG TRÌNH: TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐẠI PHƯỚC, T.ĐỒNG NAI HẠNG MỤC: HỒ CHỨA NƯỚC PCCC - GĐ2 BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
		KIỂM TRA	BÙI THỊ LAN HƯƠNG	
		CTTK	NGUYỄN THANH SƠN	
		CNTK	TRẦN VĂN HỮU	

MẶT BẰNG VÀ PHƯƠNG ÁN KẾT CẤU HỒ CHỨA NƯỚC

BẢN VẼ SỐ: 02	KH: BVTK-HCNPCCC-GĐ2
TỶ LỆ: XEM BẢN VẼ	9/2025

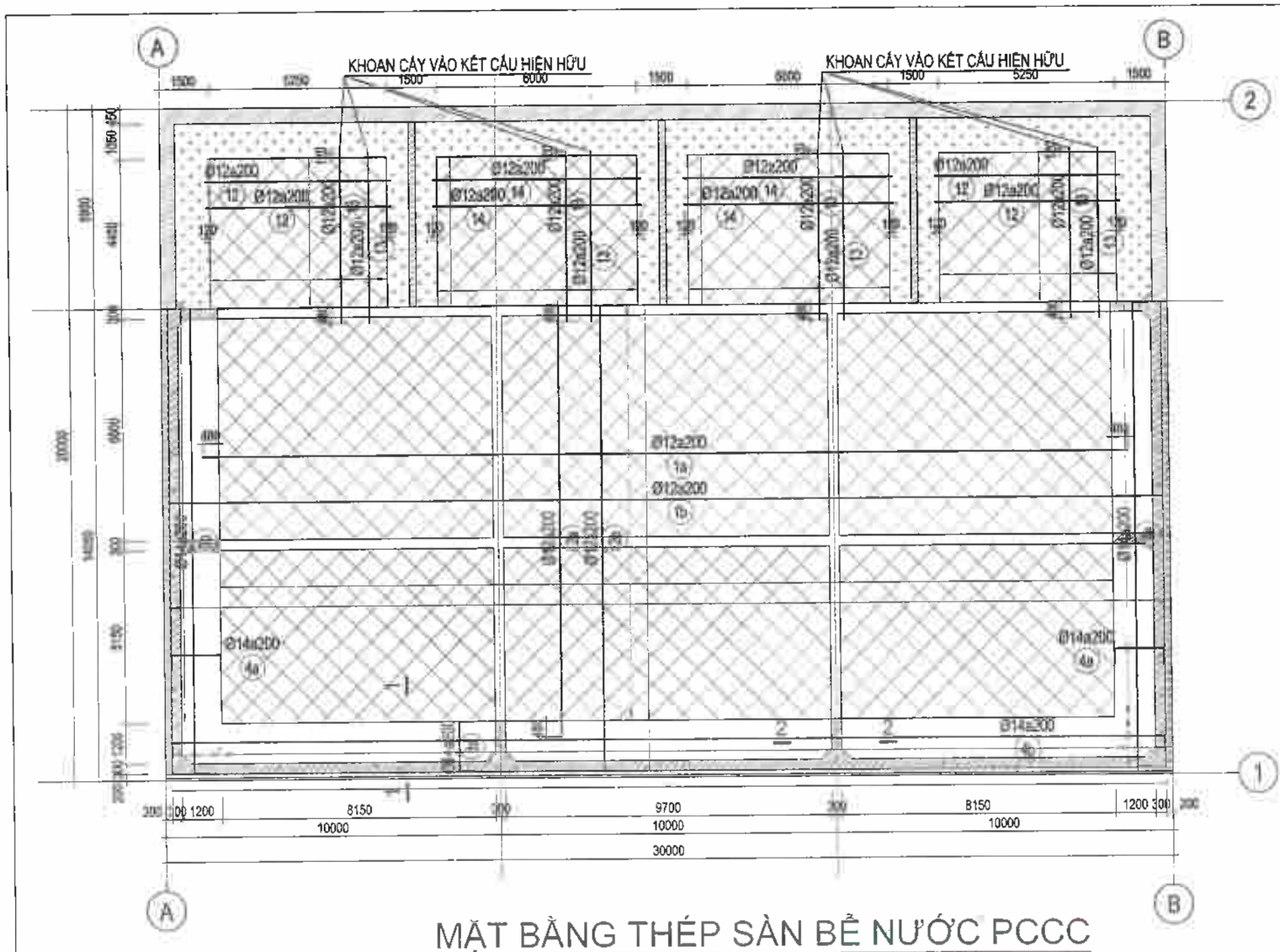

MẶT BẰNG THÉP SÀN BỂ NƯỚC PCCC

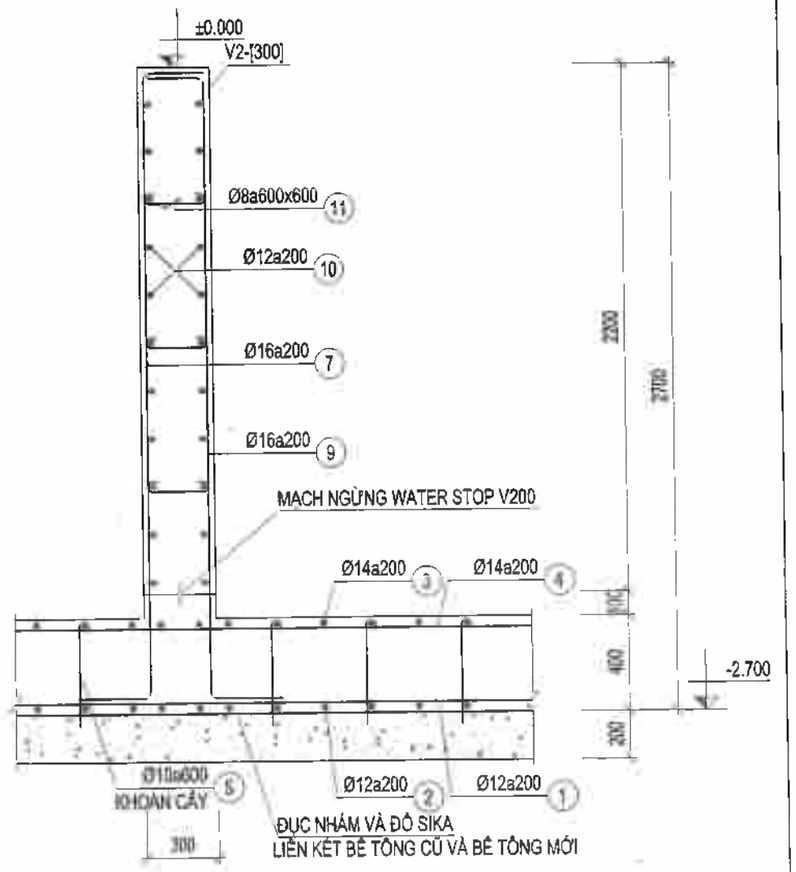

MẶT CẮT 2-2

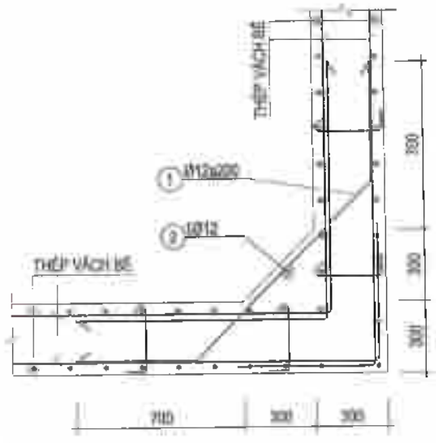

CHI TIẾT VÁT GÓC THÀNH BỂ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
ngày..... tháng..... năm 20
Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP P.TỔNG GIÁM ĐỐC ĐINH THIÊN HIỀN	TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CP PHƯƠNG HỮU THANH GIÁM ĐỐC TRẦN VĂN HỮU	THIẾT KẾ	TRẦN VĂN QUÝ	CÔNG TRÌNH: TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐẠI PHƯỚC, T.ĐỒNG NAI HẠNG MỤC: HỒ CHỨA NƯỚC PCCC - GĐ2 BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	BỐ TRÍ CỐT THÉP KẾT CẤU
		KIỂM TRA	BÙI THỊ LAN HƯƠNG		BẢN VẼ SỐ: 03 / KH: BVTK-HCNPCCC-GĐ2
		CTTK	NGUYỄN THANH SƠN		TỶ LỆ: XEM BẢN VẼ / 9/2025
		CNTK	TRẦN VĂN HỮU		

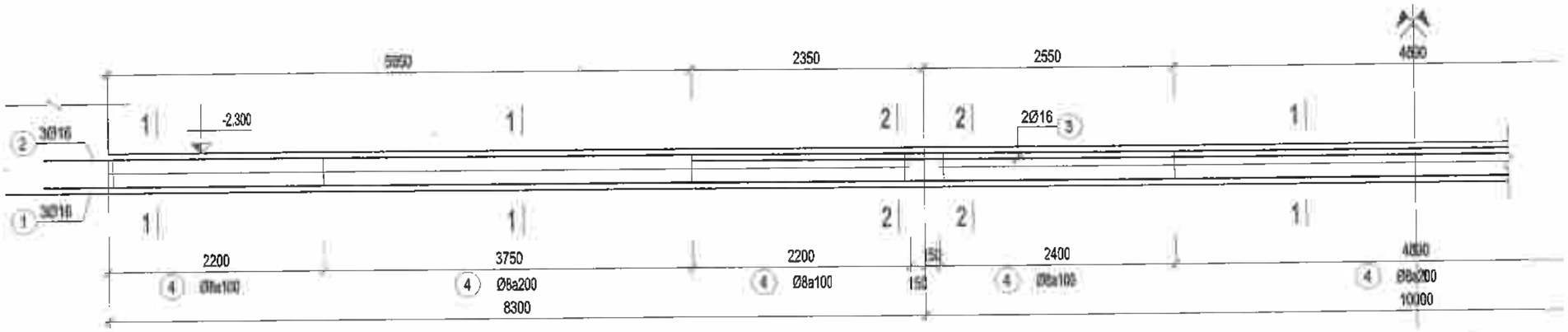

CHI TIẾT DẦM D1

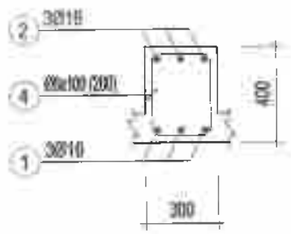

MẶT CẮT 1-1

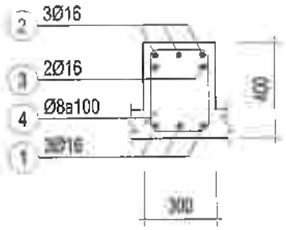

MẶT CẮT 2-2

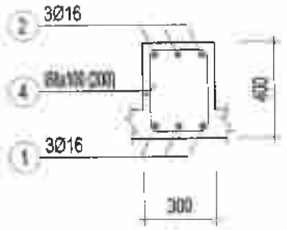

MẶT CẮT 3-3

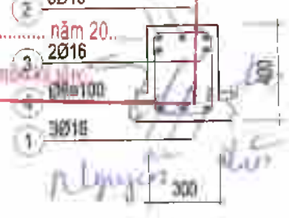

MẶT CẮT 4-4

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
ngày..... tháng..... năm 20..
Chủ trì bộ môn kết cấu

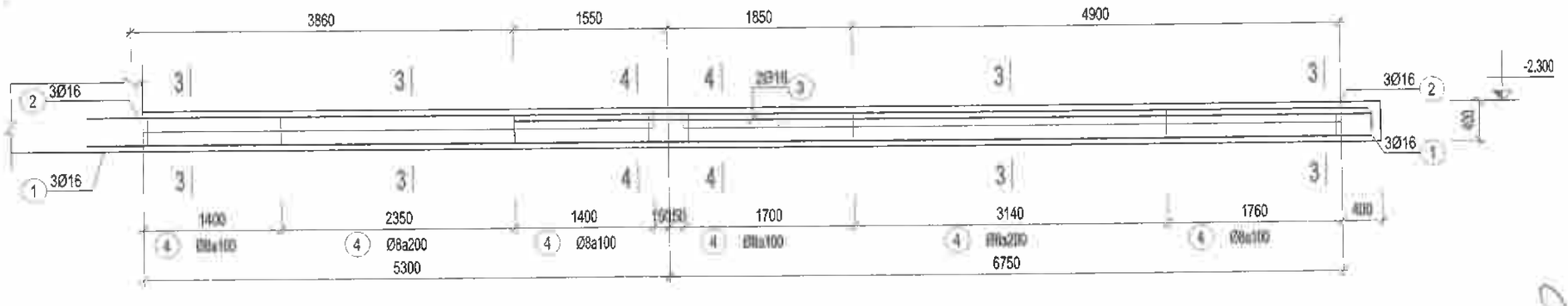

CHI TIẾT DẦM D2

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP P.TỔNG GIÁM ĐỐC ĐINH THIỆN HIỀN	TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CP PHƯỢNG HỮU THANH GIÁM ĐỐC TRẦN VĂN HỮU	THIẾT KẾ	TRẦN VĂN QUÝ	CÔNG TRÌNH: TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐẠI PHƯỚC, T.ĐỒNG NAI HẠNG MỤC: HỒ CHỨA NƯỚC PCCC - GĐ2 BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TĂNG CƯỜNG SÀN ĐÁY HỒ
		KIỂM TRA	BÙI THỊ LAN HƯƠNG		BẢN VẼ SỐ: 04 / KH: BVTK-HCNPCCC-GĐ2
		CTTK	NGUYỄN THANH SƠN		TỶ LỆ: XEM BẢN VẼ / 9/2025
		CNTK	TRẦN VĂN HỮU		

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
D1 (SL: 2)	1	26770	10	26850	3	6	160.3	265.63
	2	325 | 26770 | 325	16	26700	3	6	172.2	271.79
	3	14700	16	14700	2	4	58.8	92.9
	4	250 | 350 | 80	8	1380	190	380	516.8	203.92
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 203.9	Ø ≤ 18 : 630.32	Ø > 18 : 0			
D2 (SL: 2)	1	12220	10	12860	3	6	77.16	121.79
	2	325 | 12220 | 325	16	13510	3	6	81.06	127.94
	3	8600	16	8600	2	4	34.4	54.3
	4	250 | 350 | 80	8	1380	64	168	226.48	90.15
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 90.2	Ø ≤ 18 : 304.02	Ø > 18 : 0			

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
ĐÁY BỂ KHU HIỆN HỮU	12	5490	12	5490	92	184	1010.16	896.83
	13	5050	12	5050	232	464	2343.2	2080.33
	14	5240	12	5240	92	184	1148.16	1019.35
						TỔNG		3996.51

THẨM TRA

Theo Văn bản số: ..... ngày ..... tháng ..... năm 20..

Chữ ký bổ sung ký tên:

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ CẤU KIỆN	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG KHỐI LƯỢNG (kg)
ĐÁY BỂ	1a	27550	12	29510	1	62	62	1707.62	1589.32
	1b	29550	12	30510	1	70	70	2135.7	1986.1
	2a	12810	12	13290	1	134	134	1780.86	1561.07
	2b	13810	12	14290	1	149	149	2129.21	1890.34
	3a	350 | 1460 | 350	14	2160	1	134	134	289.44	349.76
	3b	350 | 13810 | 350	14	15070	1	8	8	120.56	145.69
	4a	350 | 1460 | 350	14	2160	1	62	62	133.92	161.83
	4b	350 | 29560 | 350	14	31380	1	8	8	251.04	303.36
	5	100 | 450 | 0	10	550	1	86	86	47.3	29.18
	6	50 150 50 150 50	8	450	1	45	45	20.25	7.99
THÀNH BỂ V1	7	300 | 2850 | 200	16	3150	1	291	291	916.65	1446.78
	8	300 | 1550	16	1850	1	291	291	538.35	849.7
	9	300 | 2850 | 200	16	3150	1	291	291	916.65	1446.78
	10a	300 | 29550 | 300	12	31110	1	28	28	871.08	773.36
	10b	300 | 13800 | 300	12	14880	1	55	55	818.4	726.59
	11	80 | 250 | 80	8	410	1	291	291	119.31	47.08
THÀNH BỂ V2	7	300 | 2850 | 200	16	3150	4	8	32	100.8	159.1
	9	300 | 2850 | 200	16	3150	4	8	32	100.8	159.1
	10	300 | 1450 | 200	12	1950	4	12	48	93.6	83.1
	11	80 | 250 | 80	8	410	4	3	12	4.92	1.94
VÁT GÓC	1	80 120 1030 120 80	12	2130	14	11	154	355.74	315.83
	2	350 | 2850 | 350	12	3150	14	1	14	45.9	41.64

Nguyễn Thắng Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP P.TỔNG GIÁM ĐỐC HỒ THIỆN HIỀN	TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CP PHƯƠNG HỮU THANH GIÁM ĐỐC TRẦN VĂN HỮU	THIẾT KẾ: TRẦN VĂN QUÝ KIỂM TRA: BÙI THỊ LAN HƯƠNG CTTK: NGUYỄN THANH SƠN CNTK: TRẦN VĂN HỮU	CÔNG TRÌNH: TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH ĐỊA ĐIỂM: XÃ BẢO PHƯỚC, T.ĐỒNG NAI HẠNG MỤC: HỒ CHỨA NƯỚC PCCC - GĐ2 BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT CẤU TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG THÉP	
BẢN VẼ SỐ: 05	KH: BVTK-HCNPCCC-GĐ2
TỶ LỆ: XEM BẢN VẼ	KZ025

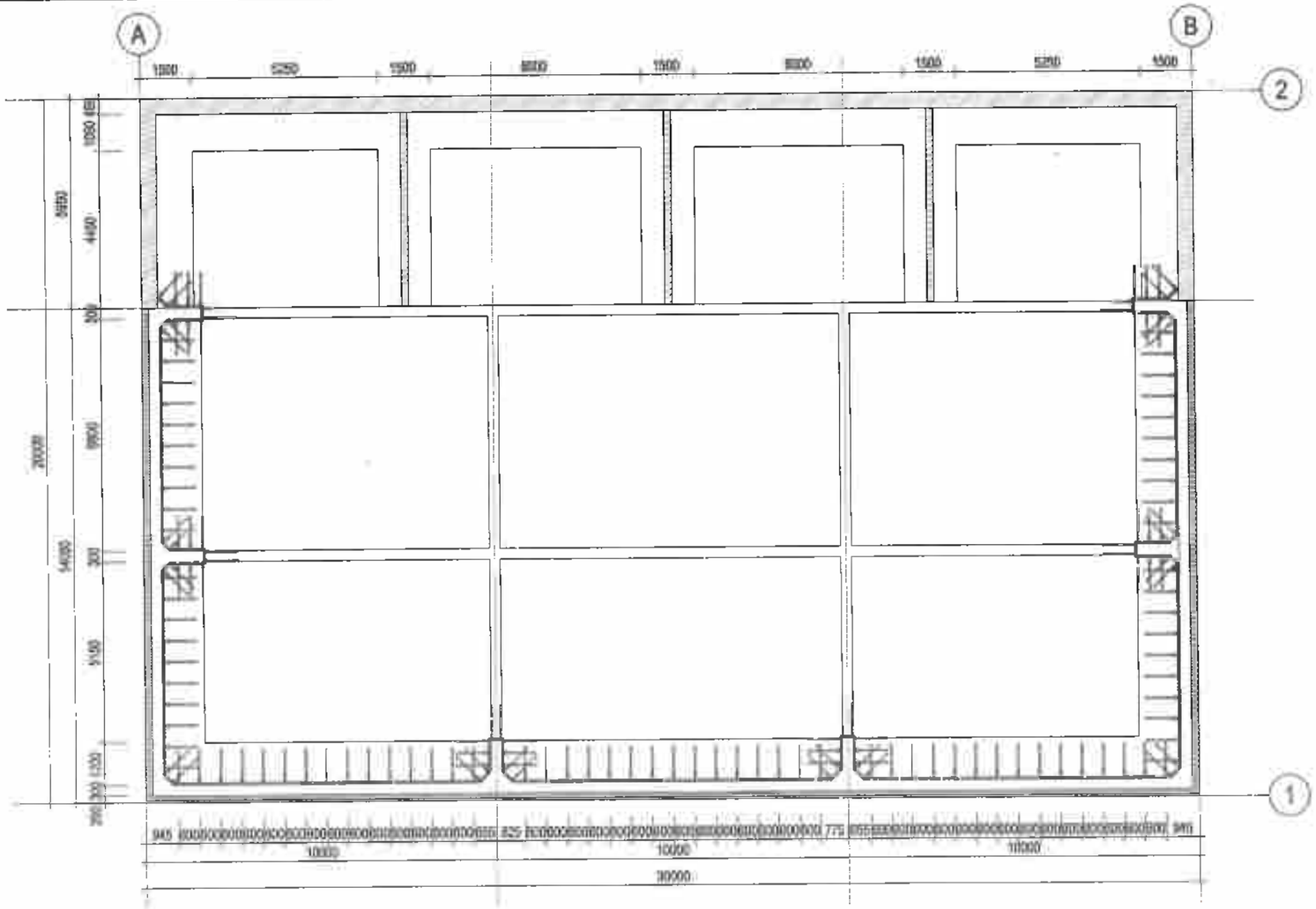

MẶT BẰNG CÂY CHỐNG

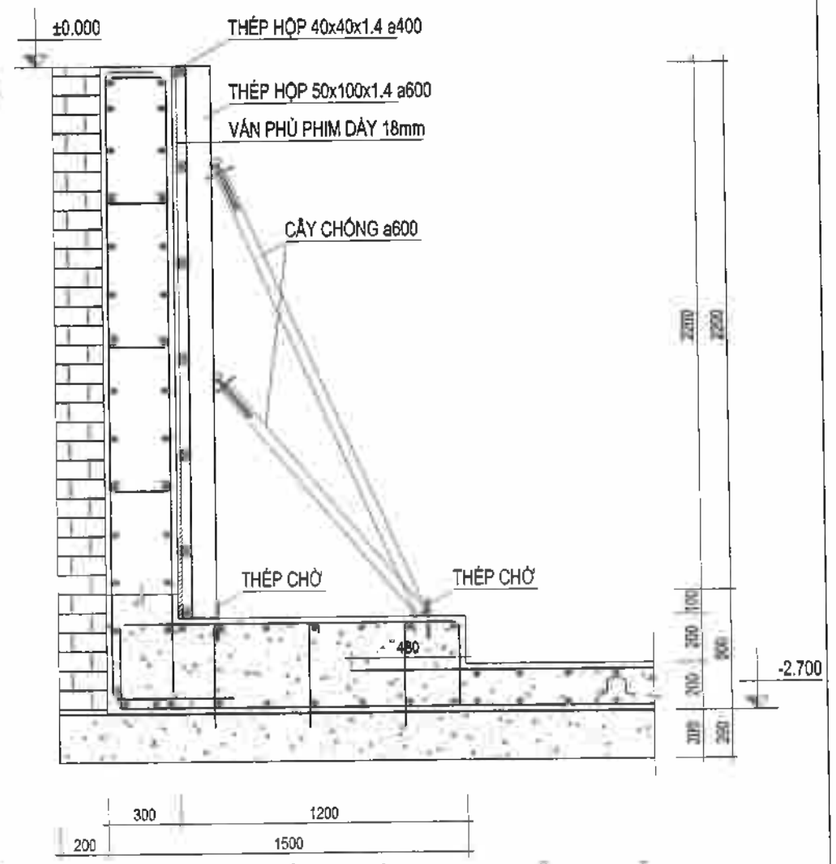

CHI TIẾT VÁN KHUÔN VÁCH

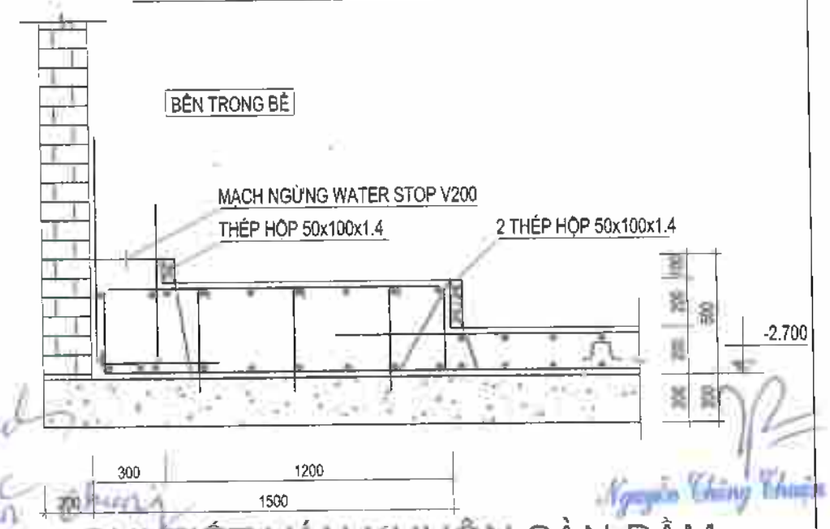

CHI TIẾT VÁN KHUÔN SÀN DẦM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

ngày..... tháng..... năm 20...

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP P.TỔNG GIÁM ĐỐC ĐINH THIỆN HIỀN	TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CP PHƯƠNG HỮU THANH GIÁM ĐỐC TRẦN VĂN HỮU	THIẾT KẾ	TRẦN VĂN QUÝ	CÔNG TRÌNH: TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐẠI PHƯỚC, T.ĐỒNG NAI HẠNG MỤC: HỒ CHỨA NƯỚC PCCC - GĐ2 BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THI CÔNG VÀ KẾT CẤU PHỤ TRỢ
		KIỂM TRA	BÙI THỊ LAN HƯƠNG		BẢN VẼ SỐ: 06 / KH: BVTK-HCNPCCC-GĐ2
		CTTK	NGUYỄN THANH SƠN		TỶ LỆ: XEM BẢN VẼ / 9/2025
		CNTK	TRẦN VĂN HỮU		

THỐNG KÊ BÊ TÔNG							
Tên cấu kiện	Chiều dài	Chiều rộng	Chiều dày	Diện tích	Thể tích 1 CK	Số cấu kiện	Thể tích bê tông
	(m)	(m)	(m)	(m2)	(m3)	(ck)	m3
Sàn dày 200							81,125
s1	*5,25*	*4,45*	*0,2*	*23,3625*	4,67	2	*9,345*
s2	*6*	*4,45*	*0,2*	*26,7*	5,34	2	*10,68*
s3	*8,15*	*6,6*	*0,2*	*53,79*	10,76	2	*21,516*
s4	*9,7*	*6,6*	*0,2*	*64,02*	12,80	1	*12,804*
s5	*8,15*	*5,15*	*0,2*	*41,9725*	8,39	2	*16,789*
s6	*9,7*	*5,15*	*0,2*	*49,955*	9,99	1	*9,991*
Sàn dày 400							37,196
s1	*1,7*	*14,05*	*0,4*	*23,885*	*9,55*	2	*19,108*
s2	*26,6*	*1,7*	*0,4*	*45,22*	*18,09*	*1*	*18,088*
Dầm D1	26,6	0,3	0,4	7,98	*3,19*	2	6,384
Dầm D2	11,75	0,3	0,4	3,525	*1,41*	2	2,82
Tường V1							39,675
V1.1	*0,3*	*14,05*	*2,3*	4,215	*9,69*	*2*	*19,389*
V1.2	*29,4*	*0,3*	*2,3*	8,82	*20,29*	*1*	*20,286*
Tường V2	1,2	0,3	2,3	0,36	*0,83*	6	4,968
Vát góc	0,3	0,3	2,3	0,045	*0,10*	14	1,449
Tổng							173,617

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN
THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
ngày....., tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:
Nguyễn Chí Công

THỐNG KÊ VÁN KHUÔN							
Tên cấu kiện	Chiều dài	Chiều rộng	Chiều cao	Diện tích 1 cấu kiện	Số cấu kiện	Diện tích ván khuôn	Đơn vị
Sàn dày 400							
Thép hình 50x100x1,4mm - mạch dừng 1	*13,75*				*2*	*27,50*	m
Thép hình 50x100x1,4mm - mạch dừng 2	*29,40*				*1*	*29,40*	m
Thép hình 50x100x1,4mm - Sàn 400/200 - 1	*12,35*				*4*	*49,40*	m
Thép hình 50x100x1,4mm - Sàn 400/200 - 2	*26,60*				*2*	*53,20*	m
Dầm D1	26,60		0,40	21,28	2	42,56	m2
Dầm D2	11,75		0,40	9,40	2	18,80	m2
Tường V1						113,85	
V1.1		*5,40*	*2,30*	*12,42*	*2*	*24,84*	m2
V1.2		*6,05*	*2,30*	*13,92*	*2*	*27,83*	m2
V1.3	*8,75*		*2,30*	*20,13*	*2*	*40,25*	
V1.4	*9,10*		*2,30*	*20,93*	*1*	*20,93*	
Tường V2	0,90	0,30	2,30	4,83	6	28,98	m2
Vát góc	0,30	0,30	2,30	0,98	14	13,66	m2
Thép hộp 40x40x1.4mm	68,94	0,00	0,00	0,00	7	482,58	m2
Tổng ván khuôn						217,85	m2
Tổng thép hình 50x100x1,4mm						159,50	m

Nguyễn Thăng Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP P.TỔNG GIÁM ĐỐC BÙI THIỆN HIỀN	TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CP PHƯƠNG HỮU THANH GIÁM ĐỐC TRẦN VĂN HỮU	THIẾT KẾ	TRẦN VĂN QUÝ	CÔNG TRÌNH: TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐẠI PHƯỚC, T.ĐỒNG NAI HẠNG MỤC: HỒ CHỮA NƯỚC PCCC - GĐ2 BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
		KIỂM TRA	BÙI THỊ LAN HƯƠNG	
		CTTK	NGUYỄN THANH SƠN	
		CNTK	TRẦN VĂN HỮU	

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG BÊ TÔNG VÀ CỐT THÉP	
BẢN VẼ SỐ: 07	KH: BVTK-HCNPCCC-GĐ2
TỶ LỆ: XEM BẢN VẼ	9/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP SÀI GÒN

THẨM TRA

Theo Văn bản số:...../.....

ngày..... tháng..... năm 20....

Chủ trì bộ môn ký tên:

Nguyễn Văn Chung

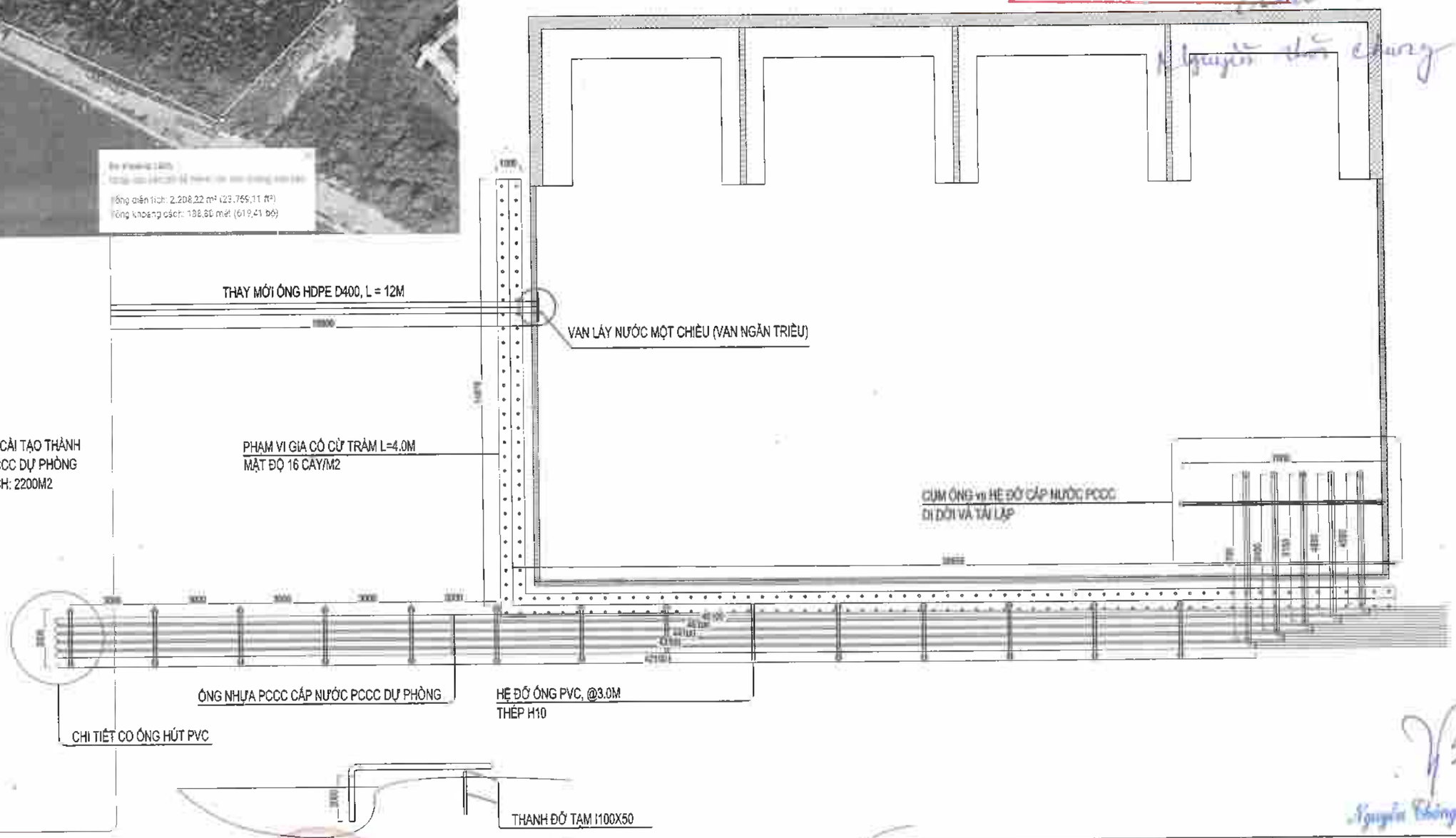

Nguyễn Thắng Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP TỔNG GIÁM ĐỐC ĐINH THIỆN HIỀN	TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CP PHƯƠNG HỮU THANH GIÁM ĐỐC TRẦN VĂN HỮU	THIẾT KẾ	TRẦN VĂN QUÝ		CÔNG TRÌNH: TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐẠI PHƯỚC, T.ĐỒNG NAI HẠNG MỤC: HỒ CHỨA NƯỚC PCCC - GĐ2 BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH KẾT CẤU VÀ CẤP NƯỚC DỰ PHÒNG PCCC
		KIỂM TRA	BÙI THỊ LAN HƯƠNG			BẢN VẼ SỐ: 08 / KH: BVTK-HCNPCCC-GĐ2
		CTTK	NGUYỄN THANH SƠN			TỶ LỆ: XEM BẢN VẼ / 9/2025
		CNTK	TRẦN VĂN HỮU			